

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ**

**BÁO CÁO TỔNG KẾT**  
**KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**  
**ĐỀ TÀI CẤP CƠ SỞ**

**NGHIÊN CỨU CƠ SỞ LÝ LUẬN, CƠ SỞ THỰC TIỄN**  
**ĐỂ HOÀN THIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ**  
**TỔNG HỢP ÁP DỤNG ĐỐI VỚI BỘ, NGÀNH**

**Đơn vị chủ trì:** Vụ Phương pháp Chế độ

**Chủ nhiệm:** Đào Ngọc Lâm

**Thư ký:** Nguyễn Huy Minh

*Hà Nội, năm 2004*

## MỤC LỤC

	Trang
PHẦN THỨ NHẤT: SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU HOÀN THIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	1
<b>I. Vị trí của chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành</b>	<b>2</b>
1. Lược đồ thu thập thông tin thống kê	2
2. Vị trí của chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành trong lược đồ thu thập thông tin thống kê	2
<b>II. Thực trạng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành</b>	<b>6</b>
1. Quá trình ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp	6
2. Những nhận xét rút ra từ hiện trạng	10
PHẦN THỨ HAI: CƠ SỞ LÝ LUẬN, CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ NHỮNG NGUYÊN TẮC CƠ BẢN KHI HOÀN THIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ TỔNG HỢP ÁP DỤNG ĐỐI VỚI BỘ, NGÀNH	
<b>I. Cơ sở lý luận</b>	<b>12</b>
<b>II. Cơ sở pháp lý</b>	<b>13</b>
1. Tuân theo qui định của Luật Thống kê	13
2. Tuân theo qui định của Luật ban hành văn bản qui phạm pháp luật	15
<b>III. Những nguyên tắc cơ bản khi hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành</b>	<b>16</b>
1. Đáp ứng yêu cầu	16
2. Bảo đảm tính khả thi	20
3. Bảo đảm tính thống nhất	23
4. Không trùng lặp	25
PHẦN THỨ BA: YÊU CẦU THÔNG TIN ĐỐI VỚI TỪNG BỘ, NGÀNH	
1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư	27
2. Bộ Tài chính	27
3. Ngân hàng nhà nước	29
4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	30
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo	31
6. Bộ Văn hoá - Thông tin	33
7. Ủy ban Thể dục thể thao	34
8. Bộ Tài nguyên môi trường	34
9. Bộ Bưu chính Viễn thông	36
10. Bộ Khoa học và Công nghệ	36
11. Ủy ban Dân số - Gia đình - Trẻ em	37
12. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn	37
13. Bộ Giao thông vận tải	38
14. Bộ Y tế	39
15. Bộ Thương mại	40
16. Đài tiếng nói Việt Nam	40
17. Bộ Công an	41
18. Bộ Tư pháp	42
Kết luận	46
	2

## MỞ ĐẦU

Luật Thống kê đã được Quốc hội khoá XI kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2003, được chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 13/2003/L/CTN ngày 26/6/2003, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2004 và Chính phủ ra Nghị định số 40/2004/NĐ- CP ngày 13 tháng 02 năm 2004 qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thống kê.

Một trong những nội dung của Luật phải được khẩn trương thi hành, đồng thời cũng là một trong những công cụ để đưa Luật Thống kê vào cuộc sống, là việc xây dựng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các Bộ, ngành.

Đây là việc làm không đơn giản bởi chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với bộ, ngành thực chất là một kênh thông tin quan trọng, nhất là những chỉ tiêu liên quan đến việc tổng hợp từ hồ sơ hành chính. Với mô hình tổ chức thông tin thống kê của Việt Nam mà Luật Thống kê đã lựa chọn và quyết định (mô hình tập trung kết hợp với phân tán), thì những thông tin tổng hợp từ hồ sơ hành chính do các bộ, ngành thu thập, tổng hợp là không thể thiếu được.

### ***Đề tài này gồm 3 phần lớn sau đây:***

- Sự cần thiết của việc nghiên cứu hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành
- Cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và những nguyên tắc cơ bản khi hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành
- Yêu cầu thông tin đối với từng Bộ, ngành

## PHẦN THỨ NHẤT

### **SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU HOÀN THIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ TỔNG HỢP ÁP DỤNG ĐỐI VỚI BỘ, NGÀNH**

#### **I. VỊ TRÍ CỦA CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ TỔNG HỢP ÁP DỤNG ĐỐI VỚI BỘ, NGÀNH**

##### ***1. Lược đồ thu thập thông tin thống kê:***

Theo tinh thần của Luật Thống kê, lược đồ thu thập thông tin thống kê có dạng tổng quát như sau:

a. Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, Tổng cục Thống kê chủ trì phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ ban hành.

- Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao căn cứ vào hệ thống chỉ tiêu quốc gia được phân công và yêu cầu quản lý, sử dụng của Bộ, ngành để ban hành các chỉ tiêu thống kê thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách. Như vậy, chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành bao gồm:

+ Những chỉ tiêu thống kê quốc gia được phân công thu thập, tổng hợp

+ Những chỉ tiêu phục vụ yêu cầu quản lý, sử dụng thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

b. Căn cứ vào hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phân công cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tổng cục Thống kê xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ căn cứ vào hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành xây dựng và ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh về ngành, lĩnh vực phụ trách sau khi có sự thẩm định về chuyên môn nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê;

- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng riêng đối với các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân để phục vụ trực tiếp cho an ninh quốc phòng sau khi có sự thẩm định về chuyên môn nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê;

- Cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ký ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân

huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh về những chỉ tiêu thống kê thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách sau khi có sự thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê.

- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với hệ thống Tòa án, Viện Kiểm sát sau khi có sự thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê

- Các Bộ, ngành căn cứ chỉ tiêu thống kê trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia được phân công và chế độ báo cáo thống kê tổng hợp của Nhà nước, đề nghị các cuộc điều tra thống kê dự kiến tiến hành trong 5 năm và hàng năm, gửi Tổng cục Thống kê trong quý II năm trước của kỳ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm. Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm rà soát, cân đối các cuộc điều tra do các bộ, ngành đề nghị và các cuộc điều tra thống kê do Tổng cục Thống kê tiến hành, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ ra quyết định ban hành chương trình điều tra thống kê quốc gia.

- Ngoài các cuộc điều tra theo chương trình điều tra thống kê quốc gia, các cuộc điều tra thống kê còn được tiến hành trong các trường hợp sau:

+ Điều tra thống kê đột xuất khi có thiên tai, dịch họa, dịch bệnh hoặc các trường hợp đột xuất khác

+ Điều tra thống kê để thu thập các thông tin về các chỉ tiêu phục vụ yêu cầu quản lý của bộ, ngành thuộc lĩnh vực phụ trách nhưng chưa có trong hệ thống chỉ tiêu quốc gia;

+ Điều tra thống kê của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhằm thu thập thông tin thống kê có tính chất đặc thù phục vụ yêu cầu quản lý của địa phương mà những thông tin đó chưa có trong hệ thống chỉ tiêu quốc gia.

c. Để thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp, một trong những cơ sở quan trọng là thu thập thông tin bằng chế độ báo cáo thống kê cơ sở.

- Chế độ báo cáo thống kê cơ sở bao gồm các qui định về đối tượng thực hiện, phạm vi, nội dung báo cáo, kỳ hạn, thời hạn thực hiện, nơi nhận báo cáo do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để thu thập thông tin thống kê từ các chứng từ, sổ ghi chép số liệu ban đầu.

- Đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở bao gồm:

+ Doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập

+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

+ Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp

+ Các cơ quan, đơn vị thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có sử dụng ngân sách nhà nước.

- Thẩm quyền ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở:

+ Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở để thu thập thông tin thống kê đối với những chỉ tiêu thống kê quốc gia do Tổng cục Thống kê được phân công thực hiện.

+ Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở để thu thập thông tin thống kê đối với những chỉ tiêu thống kê quốc gia được phân công thực hiện và các chỉ tiêu thống kê thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách sau khi có sự thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê.

## ***2. Vị trí của chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với bộ, ngành trong lược đồ thu thập thông tin thống kê***

a. Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với bộ, ngành là khâu giữ vị trí thứ hai trong lược đồ thu thập thông tin thống kê, đứng ngay sau hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, là một khâu thu thập thông tin quan trọng để thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia. Lược đồ trên được thực hiện theo mô hình thống kê Việt Nam mà Luật Thống kê qui định.

Thế giới có 2 mô hình: mô hình tập trung và mô hình phân tán

- Mô hình tập trung là mô hình mà hầu hết các thông tin thống kê quốc gia đều do cơ quan thống kê thuộc hệ thống tổ chức thống kê tập trung thu thập, tổng hợp. Ở nước ta đã có chuyên gia kiến nghị là người của tổ chức thống kê sẽ được phân công ở hầu khắp các bộ, ngành, các sở ngành, các đơn vị cơ sở và xã, phường, thị trấn; số cán bộ này hoàn toàn do TCTK bổ nhiệm, trả lương và thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch và phân công trực tiếp của Tổng cục Thống kê.

Theo mô hình này, nội dung và phương pháp thống kê sẽ dễ thống nhất, hạn chế được tư tưởng thành tích, cục bộ mà những tư tưởng này làm mất tính khách quan của thông tin thống kê. Tuy nhiên, mô hình này có những nhược điểm:

+ Biên chế và kinh phí hoạt động của cơ quan thống kê thuộc tổ chức thống kê tập trung sẽ rất lớn;

+ Việc tiếp cận với thông tin ban đầu ( thông tin gốc) sẽ rất khó khăn, nhất là những chỉ tiêu phải tổng hợp từ các chứng từ ban đầu và hồ sơ hành chính, đặc biệt là các chỉ tiêu nhạy cảm;

+ Thông tin sẽ hạn chế về số lượng, chủng loại, khó đáp ứng được nhu cầu thông tin của từng cấp, từng ngành.

- Mô hình phân tán

Theo mô hình này, thông tin thống kê sẽ do các ngành, các cấp thu thập, tổng hợp, xử lý. Cơ quan thuộc hệ thống tổ chức thống kê tập trung chỉ tổng hợp số liệu của các cấp, các ngành. Mô hình này khắc phục được các nhược điểm của mô hình trên, nhưng có những nhược điểm sau:

+ Thông tin thống kê khó bảo đảm được tính độc lập về chuyên môn nghiệp vụ, bảo đảm tính khách quan do có sự can thiệp của những người có tư tưởng thành tích, cục bộ. Chủ nghĩa thành tích là kẻ thù của tính trung thực, khách quan, chính xác của thông tin.

+ Nội dung, phương pháp thống kê khó đảm bảo tính thống nhất - một nguyên tắc cơ bản của hoạt động thống kê.

Việt Nam đã chọn mô hình tập trung kết hợp với phân tán để vừa tận dụng ưu điểm, vừa hạn chế nhược điểm của từng mô hình trên.

Theo mô hình tập trung kết hợp phân tán mà Việt Nam lựa chọn thì thông tin thống kê được thu thập theo hai kênh:

- Kênh thống kê tập trung: thu thập những thông tin thống kê liên quan đến sản xuất kinh doanh từ các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh cá thể, liên quan đến các chỉ tiêu thu thập từ hộ gia đình.

- Kênh thống kê bộ, ngành: thu thập những thông tin chủ yếu được tổng hợp từ hồ sơ hành chính.

Những thông tin tổng hợp từ hồ sơ hành chính được thu thập qua kênh bộ, ngành, bao gồm:

- + Các thông tin về ngân sách từ Bộ Tài chính,
- + Các thông tin về tiền tệ- tín dụng từ Ngân hàng Nhà nước,
- + Các thông tin về xuất nhập khẩu hàng hoá từ Tổng cục Hải quan,
- + Các thông tin về giáo dục - đào tạo từ Bộ Giáo dục - Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,
- + Các thông tin về y tế sức khoẻ từ Bộ Y tế
- + Các thông tin khoa học - công nghệ từ Bộ Khoa học - Công nghệ,
- + Các thông tin văn hoá từ Bộ Văn hoá thông tin,
- + Các thông tin về môi trường từ Bộ Tài nguyên và Môi trường,
- + Các thông tin trật tự, trị an, tội phạm, xử án từ Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao,

b. Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với Bộ, ngành là căn cứ quan trọng để hình thành chỉ tiêu thống kê của Bộ, ngành, hình thành các cuộc điều tra thống kê quốc gia phân công cho các Bộ, ngành thực hiện, hình thành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp mà các Bộ, ngành ban hành đối với sở, ngành ở cấp tỉnh, đối với các phòng ban chuyên môn ở cấp huyện và hình thành chế độ báo cáo thống kê cơ sở về ngành và lĩnh vực.

## II. THỰC TRẠNG CỦA VIỆC THU THẬP THÔNG TIN TỪ CÁC BỘ, NGÀNH HIỆN NAY

1. Quá trình ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành

Nghị định 27 - CP ngày 22/2/1962 của Chính phủ đã qui định các nguyên tắc lập và ban hành chế độ, biểu mẫu báo cáo thống kê và phương án điều tra thống kê. Căn cứ vào Nghị định này, Thủ tướng Chính phủ và Tổng cục Thống kê đã ban hành các chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành. Cụ thể:

- Ngày 21/1/1963, Thủ tướng Chính phủ ban hành bổ sung chế độ báo cáo thống kê định kỳ về xây dựng cơ bản áp dụng cho các Bộ, cơ quan ngang bộ..

- Ngày 25/5/1963, Tổng cục Thống kê ban hành bổ sung chế độ báo cáo thống kê định kỳ về xây dựng cơ bản áp dụng đối với bộ, tổng cục.

- Ngày 13/7/1963, Tổng cục Thống kê ban hành các biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ về lao động tiền lương áp dụng cho các Bộ, cơ quan ngang bộ..

- Ngày 10/6/1964, Tổng cục Thống kê ban hành chế độ và biểu mẫu báo cáo nhanh, báo cáo ước tính và báo cáo chính thức định kỳ dụng cho các Bộ, cơ quan ngang bộ, các tổng cục

- Ngày 9/11/1965, Tổng cục Thống kê - Tổng cục Bưu điện - truyền thanh ban hành quyết định 668 -LB về việc sửa đổi chế độ báo cáo định kỳ đã ban hành theo quyết định số 21 - QĐ ngày 11/3/1963 của Tổng cục Bưu điện - Tổng cục Thống kê - Truyền thanh.

- Ngày 29/2/1968, Tổng cục Thống kê ban hành bản qui định cụ thể thống kê biểu mẫu báo cáo nhanh ( bao gồm cả tiến độ báo cáo nhanh và báo cáo ước tính quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm) về tình hình thực hiện kế hoạch nhà nước áp dụng cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Hội đồng Chính phủ

Mô hình báo cáo mang tính tổng hợp và tập trung vào việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước, bộ ngành nào có chỉ tiêu nào thì thu thập, tổng hợp và báo cáo về chỉ tiêu đó.

- Ngày 15/5/1971, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 119/TCTK - QĐ ban hành bản qui định cụ thể hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê nhanh về xây dựng cơ bản áp dụng cho các bộ, ngành Trung ương

- Ngày 2/6/1971, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 108/TCTK - QĐ ban hành chế độ báo cáo thống kê định kỳ chính thức về thông tin truyền thanh áp dụng cho Tổng cục Thông tin

- Ngày 12/6/1971, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 117/TCTK - QĐ ban hành hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức về thương nghiệp, thu mua và ăn uống công cộng, áp dụng cho các bộ, ngành trung ương có quản lý kinh doanh thương nghiệp

- Ngày 10/7/1971, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 136/TCTK- QĐ ban hành bản qui định cụ thể hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức về vật tư, kỹ thuật áp dụng cho các bộ, ngành

- Ngày 26/7/1971, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 147/TCTK - QĐ ban hành bản qui định cụ thể hệ thống biểu mẫu và báo cáo thống kê chính thức về lao động, tiền lương, đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân kỹ thuật áp dụng cho các bộ, ngành và đoàn thể trung ương



- Ngày 12/8/1971, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 157/TCTK - PPCĐ ban hành hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức về nông, lâm nghiệp áp dụng cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Hội đồng Chính phủ.

- Ngày 13/8/1971, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 158/TCTK - PPCĐ ban hành hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức về thể dục, thể thao áp dụng cho Tổng cục thể dục thể thao

- Ngày 13/8/1971, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 159/TCTK - PPCĐ ban hành hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức về văn hoá áp dụng cho Bộ văn hoá.

- Ngày 13/8/1971, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 160/TCTK - PPCĐ ban hành hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức về giáo dục áp dụng cho Bộ Giáo dục.

- Ngày 13/8/1971, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 161/TCTK - PPCĐ ban hành hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức về thông tin truyền thanh áp dụng cho Tổng cục Thông tin.

- Ngày 28/12/1971, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 161/TCTK - PPCĐ ban hành hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức về giao thông vận tải áp dụng cho Bộ giao thông vận tải

- Ngày 28/12/1971, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 250/TCTK - PPCĐ ban hành hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức về bưu điện áp dụng đối với Tổng cục Bưu điện.

- Ngày 22/6/1971, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 48/TCTK - PPCĐ ban hành hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức về công nghiệp áp dụng cho các bộ, ngành có quản lý công nghiệp.

- Ngày 1/3/1978, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 161/TCTK - PPCĐ ban hành hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ của Tổng công ty xuất nhập khẩu bộ ngoại thương.

- Ngày 25/11/1989, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 211/TCTK - PPCĐ ban hành chế độ báo cáo thống kê giá cả áp dụng đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh của Nhà nước, các điểm điều tra giá, các bộ, ngành và các cơ quan thống kê tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc trung ương.

- Ngày 22/11/1990, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 182/TCTK - PPCĐ ban hành hệ thống chỉ tiêu báo cáo và điều tra thống kê trong ngành công nghiệp ban hành chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng đối với các Bộ có quản lý công nghiệp, tỉnh/thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương.

- Ngày 20/12/1990, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 218/TCTK - PPCĐ ban hành chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng đối với Tổng cục Hải quan.

- Ngày 28/12/1990, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 05/TCTK - PPCĐ ban hành hệ thống chỉ tiêu báo cáo và điều tra thống kê trong ngành xây dựng cơ bản và chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng đối với các Bộ, ngành có quản lý xây dựng cơ bản, các tỉnh/thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương

- Ngày 31/12/1990, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 219/TCTK - PPCĐ ban hành hệ thống chỉ tiêu và chế độ báo cáo thống kê định kỳ về lao động, thu nhập, giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá thông tin, thể thao áp dụng cho các bộ, uỷ ban nhà nước và các cơ quan trung ương.

- Ngày 1/4/1994, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 33/TCTK - PPCĐ ban hành hệ chế độ báo cáo thống kê định kỳ đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có hoạt động thương nghiệp.

- Ngày 13/8/1971, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 161/TCTK - PPCĐ ban hành hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức về thông tin truyền thanh áp dụng cho Tổng cục Thông tin.

- Ngày 4/4/1995, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 58/TCTK - PPCĐ ban hành chế độ báo cáo thống kê định kỳ về vốn đầu tư xây lắp và khảo sát thiết kế quy hoạch xây dựng áp dụng đối với bộ, ngành và các tổng công ty có tổ chức hạch toán toàn ngành.

- Ngày 5/11/1995, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 296/TCTK - PPCĐ ban hành hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

## 2. Những nhận xét rút ra từ thực trạng:

Như vậy, việc ban hành chế độ báo cáo áp dụng đối với bộ, ngành trong thời kỳ này có một số điểm lưu ý:

a. Tổng cục Thống kê được ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với bộ, ngành trên cơ sở quyết định 168 - TTg ngày 17/9/1970 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê.

Nay theo qui định của Hiến pháp, Luật ban hành các văn bản qui phạm pháp luật, Tổng cục Thống kê là cơ quan trực thuộc Chính phủ không có quyền ban hành văn bản qui phạm pháp luật. Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với bộ, ngành là một loại văn bản qui phạm pháp luật. Vì vậy, Tổng cục Thống kê sẽ phải xây dựng để trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành.

b. Chế độ báo cáo được ban hành theo ngành hoặc lĩnh vực, như:

- Về xây dựng cơ bản áp dụng cho các Bộ, ngành trung ương;
- Về vật tư, kỹ thuật áp dụng cho các Bộ ngành;
- Về thương nghiệp, thu mua và ăn uống công cộng áp dụng đối với Bộ, ngành có quản lý kinh doanh thương nghiệp;
- Về lao động, tiền lương, đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, công nhân kỹ thuật áp dụng đối với Bộ, ngành và đoàn thể Trung ương;
- Về văn hoá áp dụng đối với Bộ Văn hoá;
- Về giáo dục áp dụng đối với Bộ Giáo dục - Đào tạo;
- Về y tế áp dụng đối với Bộ Y tế;

- Về bưu điện áp dụng đối với Tổng cục Bưu điện;
- Về giao thông vận tải áp dụng đối với Bộ Giao thông vận tải;
- Về công nghiệp áp dụng cho các Bộ, ngành có quản lý công nghiệp;
- Về vốn đầu tư xây lắp, khảo sát thiết kế qui hoạch xây dựng áp dụng đối với Bộ, ngành và các tổng công ty có hạch toán toàn ngành;
- Về dân số, đời sống văn xã áp dụng đối với bộ, UBND và các cơ quan Trung ương khác.

Hiện nay, việc thu thập thông tin sẽ theo hướng: Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh từ doanh nghiệp, cơ sở kinh tế, các chỉ tiêu liên quan đến hộ gia đình sẽ thu từ kênh ngành dọc; các chỉ tiêu thuộc hồ sơ hành chính thì thu thập qua kênh Bộ, ngành và cơ bản là thực hiện theo một kênh: một chỉ tiêu không thu thập từ 2 kênh.

c. Mỗi một lĩnh vực giao cho nhiều bộ, ngành thu thập còn Tổng cục Thống kê tổng hợp chung. Nay một lĩnh vực giao cho một bộ, ngành có chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực đó thu thập tổng hợp, còn các đơn vị thuộc bộ, ngành khác phải gửi báo cáo về bộ, ngành quản lý nhà nước về lĩnh vực đó. Chẳng hạn:

- Về tiền tệ tín dụng chỉ giao cho Ngân hàng nhà nước thu thập tổng hợp. Các tổ chức tín dụng nếu thuộc các bộ, ngành khác quản lý cũng phải gửi báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước thu thập, tổng hợp gửi báo cáo cho Tổng cục Thống kê.

- Về giáo dục, đào tạo (trừ dạy nghề giao cho Tổng cục dạy nghề của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) giao cho Bộ Giáo dục - Đào tạo thu thập, tổng hợp. Tất cả các trường thuộc các bộ ngành khác hoặc thuộc địa phương quản lý cả công lập, ngoài công lập hoặc của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đều phải gửi báo cáo cho Bộ Giáo dục - Đào tạo để Bộ tổng hợp phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục đào tạo của Bộ và gửi báo cáo cho Tổng cục Thống kê để tổng hợp chung.

- Về y tế chỉ giao cho Bộ Y tế thu thập, tổng hợp. Các cơ sở y tế do các Bộ, ngành khác hoặc do các địa phương quản lý, kể cả công lập, ngoài công lập đều phải gửi báo cáo cho Bộ Y tế tổng hợp phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước về y tế của Bộ Y tế và báo cáo Tổng cục Thống kê theo chế độ báo cáo thống kê tổng hợp do Thủ tướng Chính phủ ban hành áp dụng đối với Bộ Y tế

Khi ban hành về lĩnh vực cho các Bộ, ngành thì đồng thời phải tính đến cả các loại hình kinh tế của các lĩnh vực đó, tức là bao gồm cả loại hình kinh tế nhà nước, ngoài nhà nước, đầu tư nước ngoài.

## PHẦN THỨ HAI

### **CƠ SỞ LÝ LUẬN, CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ NHỮNG NGUYÊN TẮC CƠ BẢN KHI HOÀN THIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ TỔNG HỢP ÁP DỤNG ĐỐI VỚI BỘ, NGÀNH**

Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với bộ, ngành là một văn bản quy phạm pháp luật, nhằm thu thập thông tin thống kê qua kênh bộ, ngành, nhằm phục vụ cho việc đánh giá tình hình kinh tế - xã hội đã phân công cho các bộ, ngành quản lý, phù hợp với chức năng quản lý nhà nước của bộ, ngành.

Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp bao gồm các qui định về đối tượng thực hiện, phạm vi, nội dung báo cáo, kỳ hạn, thời hạn thực hiện, nơi nhận báo cáo do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để tổng hợp thông tin thống kê từ các báo cáo thống kê cơ sở, báo cáo tài chính, kết quả các cuộc điều tra thống kê và các nguồn thông tin khác.

Việc nghiên cứu xây dựng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với bộ, ngành phải dựa trên cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý.

#### I. CƠ SỞ LÝ LUẬN

Thống kê phải phản ánh mặt lượng trong mối quan hệ mật thiết với mặt chất của hiện tượng số lớn trong điều kiện không gian và thời gian cụ thể.

Như vậy, thống kê không phải là một con số đơn lẻ của các đơn vị cá biệt. Thống kê phải thông qua tổng hợp mới phản ánh được bản chất và tính qui luật của hiện tượng.

Con số thống kê của một đơn vị cơ sở, một xã phường, một địa phương sẽ không thể phản ánh được nhiều vấn đề của cả nước, nếu không được tổng hợp trên phạm vi cả nước.

Thậm chí có những cuộc điều tra được chọn trên phạm vi cả nước, việc lựa chọn điểm điều tra có thể không cần thiết phải rơi vào tất cả các địa phương. Khi đó kết quả điều tra có thể chỉ đúng với cả nước, không đúng với địa phương.

Mặt khác, chỉ tiêu thống kê nếu xét riêng rẽ, không được liên kết thành hệ thống thì việc phân tích sẽ rất hạn chế. Chẳng hạn, về diện tích đất là rất quan trọng nhưng nếu gắn với dân số để tính mật độ dân số thì mới thấy được đất có chặt, người có đông, từ đó mới có chính sách, giải pháp sử dụng tiết kiệm đất. Về thu ngân sách, nếu chỉ có tổng thu thì mới chỉ nói lên được kết quả thực hiện kết hoạch thu..., nếu không so với GDP thì không thể thấy được hiệu quả của hiệu quả cao hay thấp, tỷ lệ động viên là cao hay thấp. Nếu chỉ có chỉ tiêu về trường,

lớp, học sinh...mà không gắn với dân số, không gắn với tài chính thì phân tích về giáo dục sẽ không thể đầy đủ, sâu sắc.

Có thể dẫn ra đây rất nhiều ví dụ để chứng minh nếu số liệu của các ngành chỉ để ở các ngành mà không được tổng hợp chung cả nước và không được đặt cạnh với các số liệu của các ngành khác thành một hệ thống thì không thể phân tích đầy đủ và sâu sắc toàn bộ nền kinh tế - xã hội - môi trường của đất nước.

## II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các bộ, ngành là một loại văn bản qui phạm pháp luật. Điều đó có nghĩa là khi xây dựng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành phải căn cứ vào hai cơ sở pháp lý sau đây:

- Việc xây dựng và ban hành phải tuân theo qui định của Luật Thống kê
- Việc xây dựng và ban hành phải tuân theo qui định của Luật ban hành văn bản qui phạm pháp luật.

### *1. Tuân theo qui định của Luật thống kê*

Theo Luật Thống kê, việc xây dựng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp nói chung và chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các Bộ, ngành phải tuân theo các qui định như sau:

*a. Những nội dung phải qui định trong chế độ báo cáo thống kê tổng hợp, bao gồm các qui định về:*

- Đối tượng thực hiện
- Phạm vi thực hiện
- Nội dung báo cáo
- Kỳ hạn và thời hạn thực hiện
- Nơi nhận báo cáo
- Cơ sở để tổng hợp là tổng hợp thông tin từ báo cáo thống kê cơ sở, báo cáo tài chính, kết quả cá cuộc điều tra thống kê và các nguồn thông tin khác.

*b. Thẩm quyền ban hành và đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp được qui định như sau:*

- Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp do Tổng cục Thống kê xây dựng, trình để áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách sau khi có sự thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê.

- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ban hành chế độ báo cáo thống kê áp dụng riêng đối với các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân để phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng sau khi có sự thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê.

- Cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ký ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, huyện, quận, thị

xã, thành phố thuộc tỉnh về những chỉ tiêu thống kê thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách sau khi có sự thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê.

- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với hệ thống Tòa án, Viện kiểm sát sau khi có sự thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê.

*c. Cơ quan thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp có quyền và nghĩa vụ sau đây:*

- Không được từ chối hay cản trở việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

- Tổ chức thu thập, tổng hợp số liệu, lập và nộp báo cáo theo quy định của chế độ báo cáo thống kê tổng hợp;

- Lập báo cáo thống kê tổng hợp trung thực, chính xác, đầy đủ trên cơ sở số liệu của các cuộc điều tra thống kê, báo cáo tài chính, báo cáo thống kê cơ sở và các nguồn thông tin khác; tính toán, tổng hợp các chỉ tiêu đúng nội dung và phương pháp theo quy định của chế độ báo cáo thống kê tổng hợp;

- Khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó vi phạm quy định của pháp luật về chế độ báo cáo thống kê tổng hợp.

## ***2. Tuân theo qui định của Luật ban hành văn bản qui phạm pháp luật***

Nét mới được sửa đổi trong việc ban hành các văn bản qui phạm pháp luật là Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc Chính phủ không được ban hành các văn bản qui phạm pháp luật. Những lĩnh vực do cơ quan trực thuộc Chính phủ phụ trách sẽ do Bộ trưởng phụ trách lĩnh vực đó ban hành.

Đối với các văn bản qui phạm pháp luật về thống kê, trong đó có chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với bộ, ngành đã được Luật Thống kê qui định là Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Có hai vấn đề được đặt ra, đó là:

a. Tâm pháp lý của văn bản được nâng lên, là cho chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với bộ, ngành có hiệu lực thi hành cao hơn với trước kia (Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định, Tổng cục Thống kê thể chế hoá biểu mẫu và giải thích biểu mẫu).

Tuy nhiên, cũng do tâm pháp lý cao hơn mà thủ tục ban hành cũng phải qua nhiều bước. Các bước cụ thể như sau:

- Tổng cục Thống kê căn cứ vào hệ thống chỉ tiêu quốc gia để dự thảo chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành;

- Trưng cầu dự thảo đối với các Bộ, ngành;

- Hoàn thiện dự thảo, lập tờ trình Thủ tướng Chính phủ ( có ý kiến của các Bộ, ngành);

- Xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp;

- Trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành;

- Tổ chức hội nghị hướng dẫn cụ thể.

b. Việc ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành theo phương án nào?

- Hoặc là Thủ tướng Chính phủ quyết định cho mỗi Bộ, ngành một chế độ báo cáo riêng. Ưu điểm của cách này là cụ thể và phù hợp với từng bộ, ngành, khi cần sửa đổi, bổ sung một ngành, lĩnh vực nào đó sẽ không phải "dỡ" tất cả để sửa đổi, bổ sung. Nhưng có hạn chế là Tổng cục Thống kê sẽ phải trình nhiều lần, Bộ Tư pháp phải thẩm định nhiều lần và Thủ tướng Chính phủ phải ký nhiều quyết định.

- Hoặc là Thủ tướng Chính phủ có quyết định ban hành chung cho các Bộ, ngành ( Thủ tướng Chính phủ ký một quyết định, còn biểu mẫu cho mỗi Bộ, ngành sẽ được ban hành kèm theo). Dự kiến sẽ áp dụng phương án 2.

### III. NHỮNG NGUYÊN TẮC CƠ BẢN

Việc nghiên cứu hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với bộ, ngành phải tuân theo những nguyên tắc nhất định, trong đó có những nguyên tắc cơ bản sau đây:

1. *Nguyên tắc thứ nhất:* phải bao hàm được những chỉ tiêu thống kê quốc gia có liên quan đến ngành, lĩnh vực mà bộ, ngành đó được giao trách nhiệm quản lý (gọi tắt là nguyên tắc đáp ứng yêu cầu)

2. *Nguyên tắc thứ hai:* bảo đảm tính khả thi trong thực tế

3. *Nguyên tắc thứ ba:* bảo đảm tính thống nhất

4. *Nguyên tắc thứ tư:* không trùng lặp

Sau đây là những nội dung cụ thể của từng nguyên tắc

#### **Nguyên tắc thứ nhất: NGUYÊN TẮC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU**

Yêu cầu đối với hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia nói chung và đối với việc nghiên cứu hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành nói riêng là: bảo đảm thông tin thống kê trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời phục vụ các cơ quan nhà nước trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân khác.

Yêu cầu thông tin đối với Bộ, ngành, lĩnh vực mà Bộ, ngành được giao trách nhiệm quản lý có khá nhiều. Nhưng việc ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành phải bao hàm được những chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia có liên quan đến ngành, lĩnh vực mà Bộ, ngành đó được giao trách nhiệm quản lý.

Nguyên tắc này bao gồm 3 nội dung chính sau đây:

Một là, chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành phải bao hàm những chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia mà Bộ, ngành được phân công trực tiếp thu thập tổng hợp.

Như vậy, việc ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành phải căn cứ vào hệ thống chỉ tiêu quốc gia do Thủ tướng Chính phủ ban hành, trong đó có những chỉ tiêu thống kê Thủ tướng phân công cho Bộ, ngành đó thu thập, tổng hợp.

Theo đó, số lượng chỉ tiêu thống kê mà từng Bộ, ngành được phân công thu thập như sau:

- Bộ Giáo dục: 25 chỉ tiêu
- Bộ Y tế : 15
- Bộ Văn hoá Thông tin: 13
- Bộ Tài chính: 17
- Ngân hàng Nhà nước: 11
- Bộ Tài nguyên – Môi trường: 18
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội: 4
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư: 7
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 9
- Bộ Giao thông - Vận tải: 6
- Bộ Bưu chính viễn thông: 6
- Bộ Công an: 6
- Bộ Tư pháp: 4
- Tòa án nhân dân tối cao: 3
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao: 1
- Ủy ban Dân số - Gia đình và trẻ em: 2
- Bộ Thương mại: 2
- Bộ Thủy sản: 1
- Đài Truyền hình Việt Nam: 1
- Đài Tiếng nói Việt Nam: 1
- Ủy ban Thể dục thể thao: 5
- Văn phòng Trung ương Đảng: 1
- Văn phòng Quốc hội: 1
- Các Bộ, ngành khác còn lại: 7

Hai là, chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành còn bao hàm, những chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia tuy nhiên Tổng cục Thống kê hoặc các Bộ, ngành khác trực tiếp thu thập, nhưng còn phải được chủ trì tổng hợp từ báo cáo của các Bộ, ngành khác. Những chỉ tiêu này thường là những chỉ tiêu mà các Bộ, ngành này có các lĩnh vực cũng được giao trực tiếp quản lý

Có hai phương án

*Phương án thứ nhất:* Bộ, ngành trực tiếp quản lý là đơn vị thu thập, tổng hợp và báo cáo.

- Chỉ tiêu số vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước tập trung thực hiện tuy Thủ tướng Chính phủ giao cho Tổng cục Thống kê chủ trì thu thập, tổng hợp, nhưng gần như Bộ, ngành nào cũng được giao cho quản lý ( đầu mối giao kế hoạch hoặc làm chủ đầu tư), thì trong chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành đó cũng có chỉ tiêu này.

- Chỉ tiêu số cơ sở dạy nghề tuy Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Lao động, thương binh và Xã hội chủ trì thu thập, tổng hợp, nhưng đó là đầu mối báo cáo, còn các Bộ, ngành khác có cơ sở dạy nghề cũng phải thu thập, tổng hợp, báo cáo cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc chỉ thị cho các cơ sở dạy nghề này phải báo cáo cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, đồng gửi cho Cục Thống kê tỉnh/thành phố mà cơ sở dạy nghề đó đóng.



- Chỉ tiêu số cơ sở y tế, số giường bệnh, số người làm công tác y tế tuy Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Y tế chủ trì thu thập, tổng hợp, nhưng Bộ Y tế là đầu mối, còn các Bộ, ngành khác có quản lý các cơ sở y tế thì cũng phải thu thập, tổng hợp và báo cáo cho Bộ Y tế hoặc Chỉ thị cho các cơ sở này phải báo cáo cho Bộ Y tế, đồng gửi cho Cục Thống kê tỉnh/thành phố mà cơ sở đó đóng.

Theo phương án 1 thì ngoài số chỉ tiêu thuộc nội dung 1 còn thu thập, tổng hợp, báo cáo số lượng các chỉ tiêu như sau:

- Bộ Giáo dục: 12 chỉ tiêu
- Bộ Y tế : 40 chỉ tiêu
- Bộ Văn hoá Thông tin: 13
- Bộ Tài chính: 36 chỉ tiêu
- Ngân hàng Nhà nước: 32 chỉ tiêu
- Bộ Tài nguyên – Môi trường: 33 chỉ tiêu
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội: 36 chỉ tiêu
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư: 30 chỉ tiêu
- Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn: 18 chỉ tiêu
- Bộ Giao thông – vận tải: 40 chỉ tiêu
- Bộ Bưu chính viễn thông: 36 chỉ tiêu
- Bộ Công an: 39 chỉ tiêu
- Bộ Tư pháp: 32 chỉ tiêu
- Toà án nhân dân tối cao: 17 chỉ tiêu
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao: 18 chỉ tiêu
- Ủy ban dân số gia đình và trẻ em: 17 chỉ tiêu
- Bộ Thương mại: 12 chỉ tiêu
- Bộ Thủy sản: 41 chỉ tiêu
- Đài Truyền hình Việt Nam: 40 chỉ tiêu
- Đài Tiếng nói Việt Nam: 27 chỉ tiêu
- Ủy ban Thể dục thể thao: 27 chỉ tiêu
- Văn phòng Trung ương Đảng: 27 chỉ tiêu
- Văn phòng Quốc hội: 27 chỉ tiêu
- Các bộ, ngành khác còn lại: 30 chỉ tiêu

Phương án 2: Bộ, ngành quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực là đầu mối thu thập, tổng hợp và báo cáo những chỉ tiêu chung đó chỉ giao cho Bộ, ngành có trách nhiệm quản lý nhà nước về lĩnh vực thu thập, tổng hợp và báo cáo, tức là báo cáo của Bộ, ngành quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực không chỉ bao gồm những cơ sở do mình trực tiếp quản lý mà còn bao gồm cả những cơ sở cùng ngành, lĩnh vực không do các Bộ, ngành khác trực tiếp quản lý. (các cơ sở đó phải thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở do Bộ, ngành được giao quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ban hành; báo cáo cơ sở được gửi cho 3 nơi: một là Bộ, ngành quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực; hai là Bộ ngành trực tiếp quản lý; ba là Cục Thống kê địa phương mà cơ sở đó đóng. Với cách này thì Bộ, ngành quản lý nhà nước sẽ là đầu mối thu thập, tổng hợp và báo cáo, còn các Bộ, ngành trực tiếp quản lý sẽ không phải là đơn vị báo cáo.

Với phương án này, số lượng chỉ tiêu trong chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành sẽ ít hơn nhiều so với phương án 1.

Ba là, ngoài một số nội dung trực tiếp và nội dung chủ trì như đã nêu ở trên, chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành còn bao gồm

các chỉ tiêu tuy giao cho Bộ, ngành khác chủ trì, nhưng Bộ, ngành này phải phối hợp với Bộ, ngành chủ trì. Theo nội dung này, các Bộ, ngành phối hợp phải cung cấp thông tin cho các Bộ, ngành chủ trì để tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Chẳng hạn: các chỉ tiêu về chi phí cho các hoạt động ( giáo dục, y tế...) tuy giao cho Bộ Giáo dục - Đào tạo, Bộ Y tế chủ trì, nhưng đều phải có sự phối hợp của Bộ Tài chính và các Bộ, ngành có quản lý trực tiếp các cơ sở giáo dục - đào tạo cũng như quản lý trực tiếp các cơ sở y tế.

### **Nguyên tắc thứ hai: ĐẢM BẢO TÍNH KHẢ THI**

Việc nghiên cứu hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành một mặt phải đáp ứng được yêu cầu như nguyên tắc thứ nhất, mặt khác còn phải đáp ứng yêu cầu bảo đảm tính khả thi.

Tính khả thi được thể hiện ở các mặt: có thể thực hiện được trong thực tế, phù hợp với trình độ hạch toán của doanh nghiệp, ghi chép kê khai, cung cấp các hộ gia đình cá nhân, giảm gánh nặng cho người cung cấp thông tin, tiết kiệm được chi phí và tăng hiệu quả của hoạt động thống kê.

Tính khả thi được thể hiện không chỉ ở tên chỉ tiêu mà còn ở phân tổ chính, kỳ cung cấp và phân công thu thập.

#### **1. Về tên chỉ tiêu:**

- Những chỉ tiêu liên quan đến năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh;

- Những chỉ tiêu không chỉ thu thập qua việc tổng hợp từ hồ sơ hành chính, từ việc ghi chép ban đầu, sổ tổng hợp trung gian, báo cáo từ cơ sở lên mà còn phải tiến hành điều tra ( hoặc là toàn bộ, hoặc chọn mẫu) khá tốn kém về kinh phí, về thời gian và công sức, lại đòi hỏi phải có kinh nghiệm phỏng vấn, tổng hợp, suy rộng...

- Những chỉ tiêu đòi hỏi phải có sự thống nhất cao về khái niệm, nội dung, phương pháp tính, nguồn số liệu...

Tính khả thi thuộc về tên chỉ tiêu hiện nay gồm nhiều chỉ tiêu, như:

+ Tỷ trọng thuốc chữa bệnh sản xuất trong nước đáp ứng nhu cầu trong nước;

+ Các nguồn vốn đầu tư phát triển khác (trái phiếu, cổ phiếu..)

+ Cơ cấu vốn ngân sách đầu tư cho kết cấu hạ tầng (kinh tế, xã hội);

+ Tỷ lệ sử dụng nguyên liệu trong nước để sản xuất sữa

+ Giá trị phần mềm sản xuất, xuất khẩu;

+ Khả năng đáp ứng của cơ khí ( thiết bị, phụ tùng xe máy, phụ tùng ô tô)

+ Có khoảng 30 chỉ tiêu thuộc chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo...

+ Một số chỉ tiêu thuộc các chương trình mục tiêu về ngành, lĩnh vực

#### **2. Về phân tổ chính:**

Phân tổ có vai trò rất quan trọng để đáp ứng yêu cầu quản lý sâu hơn, chi tiết hơn nhằm đề ra các chính sách giải pháp cụ thể. Đối với thống kê, việc phân tổ còn có ý nghĩa để phục vụ cho việc phân tích.

Tuy nhiên, muốn có đủ thông tin để phân tổ không đơn giản chút nào, bởi hoặc là phải bổ sung vào biểu mẫu báo cáo, phiếu điều tra những chi tiết,

hoặc phải tổ chức các cuộc điều tra khá tốn kém để phục vụ cho việc phân tổ này.

Chẳng hạn:

- Việc phân tổ theo giới tính rất có ý nghĩa để phục vụ cho việc quan sát thực hiện chính sách bình đẳng giới. Tuy nhiên không thể chỉ tiêu nào liên quan đến giới cũng có thể phân tổ theo giới tính bởi để có dân số theo giới tính nhất là giới tính lại phân tổ chi tiết theo lứa tuổi, nghề nghiệp, trình độ...thì phải tổng điều tra. Mà tổng điều tra phải 10 năm mới tiến hành được; hàng năm điều tra mẫu chỉ có thể suy rộng được ra tổng số nam, nữ chứ không suy rộng theo nghề nghiệp, lứa tuổi, trình độ thì qui mô mẫu là quá nhỏ, suy rộng sẽ không chính xác.

- Việc phân tổ theo nhóm dân tộc (dân tộc kinh và dân tộc thiểu số), hoặc dân tộc là rất có ý nghĩa để phục vụ cho việc đánh giá tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, việc phân tổ này chủ yếu áp dụng đối với những chỉ tiêu quan trọng, còn một số chỉ tiêu khác phải chờ đến tổng điều tra dân số 10 năm 1 lần hoặc điều tra dân số giữa kỳ 5 năm 1 lần.

- Việc phân tổ theo nhóm tuổi hoặc độ tuổi rất có ý nghĩa đối với việc thu thập các chỉ tiêu về trẻ em, lao động trong và ngoài độ tuổi, tính tỷ lệ nhập học, tỷ lệ phụ thuộc...

### 3. Về kỳ cung cấp:

Theo yêu cầu đối với thông tin thì kỳ hạn càng ngắn càng tốt. Tuy nhiên, kỳ hạn thu thập càng ngắn thì càng khó khăn, tốn kém gấp bội, nhất là những chỉ tiêu phải tiến hành điều tra. Vì vậy, việc xác định kỳ hạn cung cấp trong chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành cũng cần phải cân nhắc đến tính khả thi.

Chẳng hạn:

- Tỷ lệ thất nghiệp là chỉ tiêu rất cần thiết phải được công bố hàng tháng, nhưng khả năng thu thập trước mắt là cả năm (qua điều tra lao động việc làm) và tương lai sẽ thu thập 6 tháng hoặc quý.

- Số lao động được giải quyết việc làm mới là chỉ tiêu pháp lệnh do Quốc hội giao trong kế hoạch hàng năm. Để hàng năm có số liệu báo cáo, thì cần thiết phải thu thập tiến độ thực hiện hàng quý để vào tháng 10 có thể báo cáo nhanh (sơ bộ) được. Nhưng việc thu thập hàng quý là rất khó khăn, chỉ có thể nhanh là 6 tháng, còn bình thường phải hàng năm từ kết quả điều tra lao động việc làm.

- Số lao động xuất khẩu: cũng tương tự như chỉ tiêu số lao động được giải quyết việc làm

- Nhiều chỉ tiêu xã hội khác cũng có tình hình tương tự

### 4. Về phân công thu thập:

Đây cũng là vấn đề có liên quan đến tính khả thi, bởi việc phân công cho các Bộ, ngành nào, ngoài việc căn cứ vào ngành, lĩnh vực phù hợp, còn phải căn cứ vào khả năng về nguồn lực, về kinh nghiệm thu thập tổng hợp của Bộ, ngành đó.

Chẳng hạn:

- Số đơn vị hành chính có thể phân công cho Bộ Nội vụ thu thập, tổng hợp nhưng vì Tổng cục Thống kê là cơ quan xây dựng giúp Thủ tướng Chính phủ ban hành bảng danh mục đơn vị hành chính.

- Số lao động đang làm việc trong nền kinh tế: lao động là lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, nhưng đó là lao động sản xuất kinh doanh; còn cán bộ công chức lại thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Nội vụ; trong khi Tổng cục Thống kê lại có cả 2 nguồn số liệu trên, đặc biệt là lao động thuộc các doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp... Vì vậy, chỉ tiêu này đã giao cho Tổng cục Thống kê chủ trì.

- Vốn đầu tư thực hiện là chỉ tiêu Bộ, ngành nào cũng được giao trách nhiệm quản lý, nhưng còn có nguồn vốn do địa phương quản lý, nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tập trung như vốn tín dụng, vốn các doanh nghiệp nhà nước, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.... Vì vậy chỉ có Tổng cục Thống kê mới là cơ quan có thể tổng hợp chung được.

Còn có thể có rất nhiều chỉ tiêu khác được lấy làm ví dụ minh chứng cho tính khả thi trong việc phân công này.

### **Nguyên tắc thứ ba: BẢO ĐẢM TÍNH THỐNG NHẤT**

Bảo đảm tính thống nhất là một trong những nguyên tắc cơ bản của hoạt động thống kê nói chung và của chế độ báo cáo thống kê tổng hợp nói riêng. Nguyên tắc này xuất phát từ số liệu thống kê sẽ thật sự chỉ có ý nghĩa khi thông qua so sánh về thời gian và không gian.

Bảo đảm tính thống nhất về các mặt: Chỉ tiêu, biểu mẫu, phương pháp tính, bảng phân loại, đơn vị đo lường, niên độ thống kê và bảo đảm tính so sánh quốc tế.

#### **1. Thống nhất về chỉ tiêu**

Thống nhất về chỉ tiêu bao gồm thống nhất về:

- Tên chỉ tiêu
- Khái niệm chỉ tiêu
- Nội dung chỉ tiêu

#### **2. Thống nhất về biểu mẫu**

Việc thiết kế về biểu mẫu ( cũng như mã số cột, dòng tương ứng) phải đảm bảo để có thể sử dụng được công nghệ thông tin hiện đại vào hoạt động xử lý, tổng hợp.

#### **3. Thống nhất về phương pháp tính**

Đây là một trong những nội dung có tầm quan trọng hàng đầu của nguyên tắc thống nhất, bởi cùng một chỉ tiêu mà mỗi nơi, mỗi thời gian áp dụng các phương pháp tính khác nhau thì số liệu thống kê sẽ không thống nhất được, không so sánh được và số liệu thống kê trở thành trò chơi con số.

Để thống nhất về phương pháp tính cần khẩn trương nghiên cứu hoàn thiện và xuất bản từ chuẩn thống kê, nghiên cứu hoàn thiện và xuất bản ấn phẩm nội dung và phương pháp tính hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và đưa vào nội dung giải thích chế độ báo cáo.

#### **4. Thống nhất về các bảng phân loại thống kê**

Hiện nay có tình trạng Thủ tướng Chính phủ hoặc Tổng cục Thống kê đã ban hành các bảng phân loại thống kê, song các cấp, các ngành thường không thực hiện hoặc vận dụng khác nhau theo cách riêng của mình, làm cho việc xử lý, tổng hợp, phân tích, công bố rất khác nhau.

Nguyên nhân của tình hình trên là do chế độ báo cáo thống kê tổng hợp đã lâu không được ban hành và các bảng phân loại này lại không được gắn với chế độ báo cáo thống kê đó.

Để thống nhất về bảng phân loại thống kê, cần khẩn trương nghiên cứu, hoàn thiện các bảng phân loại thống kê và khi xây dựng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp cần lồng ghép để có hiệu lực thi hành.

Các bảng phân loại thống kê cần khẩn trương hoàn thiện là:

- Bảng phân ngành kinh tế quốc dân;
- Bảng danh mục sản phẩm chủ yếu;
- Bảng danh mục nghề nghiệp;
- Bảng danh mục giáo dục, đào tạo;
- Một số bảng phân loại thống kê khác áp dụng chung cho nhiều ngành, lĩnh vực.

#### 5. Thống nhất đơn vị đo lường

Thống nhất về đơn vị đo lường là một nội dung quan trọng của nguyên tắc thống nhất. Trong các đơn vị đo lường cần đặc biệt quan tâm đến các đơn vị tiền tệ như tỷ giá hối đoái và tỷ giá sức mua tương đương, đơn vị tính thời gian.

#### 6. Thống nhất niên độ thống kê

Niên độ thống kê cũng là một nội dung quan trọng của nguyên tắc thống nhất để đảm bảo tính thống nhất. Trong các "niên độ thống kê" cần quan tâm là niên độ khi tính các chỉ tiêu liên quan đến nông, lâm nghiệp - thủy sản, ngành giáo dục - đào tạo, các chỉ tiêu về tội phạm.

#### **Nguyên tắc thứ tư: KHÔNG TRÙNG LẶP**

Đây là nguyên tắc quan trọng để đảm bảo sự thống nhất về số liệu, bảo đảm nâng cao hiệu quả của hoạt động thống kê, giảm chi phí, giảm gánh nặng cho người trả lời.

Để thực hiện được nguyên tắc này, ngoài việc thống nhất trong việc xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, chương trình điều tra thống kê quốc gia..., còn phải tránh sự trùng lặp, chồng chéo trong việc thu thập, nghiên cứu hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp. Cụ thể:

- Không trùng lặp, chồng chéo giữa 2 kênh thông tin bộ ngành và thông tin thuộc hệ thống tổ chức thống kê tập trung
- Bảo đảm không trùng lặp nhưng phải thống nhất giữa 2 kênh

#### 1. Không trùng lặp, chồng chéo giữa 2 kênh

Thực trạng hiện nay có một vấn đề nổi cộm là:

- Vừa thu thập, tổng hợp theo kênh tỉnh/thành phố, vừa thu thập, tổng hợp theo kênh Bộ, ngành
- Số liệu tổng hợp theo hai kênh không những nặng nề mà còn không thống nhất

Nguyên nhân của tình hình trên là kênh thu thập từ Bộ, ngành thì thường chậm, còn kênh tỉnh/thành phố thì thường thấp do thiếu số liệu của nhiều cơ sở do Trung ương quản lý

Việc nghiên cứu hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành nhằm khắc phục vấn đề trên. Khi việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành đã vào nề nếp thì sẽ giảm dần đi đến cắt hẳn kênh tỉnh/thành phố về những chỉ tiêu tương ứng, nhất là các chỉ tiêu sau đây:

- Chỉ tiêu thu/chi ngân sách sẽ lấy qua kênh Bộ Tài chính
- Chỉ tiêu tiền tệ - tín dụng sẽ lấy qua kênh Ngân hàng nhà nước
- Chỉ tiêu xuất, nhập khẩu hàng hoá lấy qua Tổng cục Hải quan

- Một số chỉ tiêu lao động lấy qua kết quả điều tra lao động việc làm
- Số dự án, số vốn đầu tư theo nhóm A, B, C; Số dự án và số vốn đăng ký của các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); Số dự án, số vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài; số vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cam kết, ký kết, giải ngân...lấy qua Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- Các chỉ tiêu về giáo dục, đào tạo lấy qua Bộ Giáo dục - Đào tạo
- Các chỉ tiêu về y tế lấy qua Bộ Y tế
- Các chỉ tiêu về môi trường lấy qua Bộ Tài nguyên và Môi trường

## 2. Không trùng lặp nhưng phải thống nhất giữa 2 kênh

Khi đã dựa vào một kênh bộ, ngành thì kênh Bộ, ngành cũng phải bảo đảm thống nhất với kênh ngành dọc. Muốn vậy, chế độ báo cáo thống kê tổng hợp mà Bộ, ngành áp dụng đối với phòng, ban chuyên môn thuộc ngành, lĩnh vực ở cấp huyện và áp dụng đối với sở, ban ngành, lĩnh vực do Bộ, ngành được giao quản lý nhà nước cũng phải được ban hành theo hướng:

- Phòng ban chuyên môn ở cấp huyện khi gửi báo cáo cho Sở, ngành chuyên môn ở tỉnh sẽ đồng gửi báo cáo có các chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia cho phòng Thống kê huyện;
- Sở, ban, ngành chuyên môn ở cấp tỉnh khi gửi báo cáo cho Bộ, ngành ở Trung ương sẽ đồng gửi những báo cáo có các chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia cho Cục Thống kê.

## **PHẦN THỨ BA**

### **YÊU CẦU THÔNG TIN ĐỐI VỚI TỪNG BỘ, NGÀNH**

Một trong những yêu cầu của việc xây dựng và ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với bộ, ngành là xác định yêu cầu thông tin của Đảng và Nhà nước, của xã hội đối với Bộ, ngành đó.

#### **I. BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

##### **A. Vị trí và chức năng của Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kế hoạch và đầu tư, bao gồm : tham mưu tổng hợp về chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước, về cơ chế, chính sách quản lý kinh tế chung và một số lĩnh vực cụ thể, về đầu tư trong nước, ngoài nước, khu công nghiệp, khu chế xuất, về quản lý nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (sau đây gọi tắt ODA), đấu thầu, doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh trong phạm vi cả nước; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ theo quy định của pháp luật.

##### **B. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

1. Số dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) được cấp giấy phép. Phân theo hiện trạng, ngành kinh tế, đối tác, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp tháng, quý, năm
2. Số vốn FDI . Phân theo hiện trạng, ngành kinh tế, đối tác, hình thức, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp tháng, quý, năm
3. Số dự án, số vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài. Phân theo ngành kinh tế. Kỳ cung cấp 6 tháng, năm
4. Số vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cam kết, ký kết. Phân theo ngành kinh tế, viện trợ/cho vay. Kỳ cung cấp: năm
5. Số vốn ODA giải ngân thực hiện. Phân theo ngành kinh tế, viện trợ/cho vay. Kỳ cung cấp năm

#### **II. BỘ TÀI CHÍNH**

##### **A. Vị trí và chức năng của Bộ Tài chính**

Bộ Tài chính là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính, ngân sách nhà nước, thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia, các quỹ tài chính nhà nước, đầu tư tài chính, tài chính doanh nghiệp và hoạt động dịch vụ tài chính (gọi chung là lĩnh vực tài chính - ngân sách), hải quan, kế toán, kiểm toán độc lập và giá cả trong phạm vi cả nước; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong lĩnh vực tài chính - ngân sách, hải quan, kế toán, kiểm toán độc lập và giá cả; thực hiện đại diện chủ sở hữu phần vốn của nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

##### **B. Yêu cầu thông tin đối với Bộ Tài chính**

1. Tài sản cố định của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp nhà nước. Phân theo Cấp quản lý, ngành kinh tế, loại tài sản. Kỳ cung cấp: năm
2. Thu ngân sách nhà nước. Phân theo khoản mục thu, cấp ngân sách (trung ương, địa phương), ngành kinh tế, loại hình kinh tế
3. Chi ngân sách nhà nước. Phân theo khoản mục chi, ngành kinh tế, cấp ngân sách (trung ương/địa phương)
4. Bội chi ngân sách. Kỳ cung cấp: tháng, quý, năm

5. Nguồn bù đắp bội chi ngân sách nhà nước. Phân theo vay trong nước/nước ngoài/phát hành. Kỳ cung cấp: Tháng, quý, năm
6. Thu, chi ngân sách nhà nước theo quyết toán. Phân theo khoản mục thu, chi, ngành ktế, cấp ngân sách, đơn vị quản lý (bộ, tỉnh). Kỳ cung cấp: năm
7. Nợ nước ngoài so với GDP. Phân theo dài hạn/ngắn hạn. Kỳ cung cấp: năm
8. Chênh lệch tồn kho dự trữ quốc gia. Phân theo nhóm hàng. Kỳ cung cấp: năm
9. Giá trị giao dịch trên thị trường chứng khoán. Phân theo loại cổ phiếu, loại thị trường. Kỳ cung cấp: Tháng, quý, năm
10. Giá trị giao dịch khớp lệnh trên thị trường chứng khoán. Phân theo loại cổ phiếu, loại thị trường. Kỳ cung cấp: Tháng, quý, năm
11. Chỉ số chứng khoán VN-Index
12. Giá trị hàng hoá xuất khẩu. Phân theo - Danh mục HS, loại hình kinh tế. Kỳ cung cấp: Tháng, quý, năm. Phân theo danh mục HS, loại hình kinh tế, nước/vùng lãnh thổ, khối nước hàng đến, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: Quý, năm
13. Giá trị hàng hoá nhập khẩu. Phân theo danh mục HS, loại hình kinh tế. Kỳ cung cấp: Tháng, quý, năm. Phân theo danh mục HS, loại hình kinh tế, nước/vùng lãnh thổ, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: Quý, năm
14. Lượng và giá trị mặt hàng xuất khẩu. Phân theo mặt hàng chủ yếu. Kỳ cung cấp: Tháng, quý, năm; Phân theo danh mục HS, nước/ vùng lãnh thổ hàng đến, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: Quý, năm
15. Lượng và giá trị mặt hàng nhập khẩu. Phân theo mặt hàng chủ yếu. Kỳ cung cấp: Tháng, quý, năm; Phân theo danh mục HS, nước/ vùng lãnh thổ hàng đến, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: Quý, năm

### **III. NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

#### **A. Vị trí và chức năng của Ngân hàng Nhà nước**

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) là cơ quan ngang bộ của Chính phủ có chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và là Ngân hàng Trung ương của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quản lý nhà nước các dịch vụ công và thực hiện đại diện chủ sở hữu phần vốn của nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng theo quy định của pháp luật.

#### **B. Yêu cầu thông tin đối với Ngân hàng Nhà nước**

1. Cân đối tiền tệ của ngân hàng nhà nước. Phân theo khoản mục chủ yếu, toàn ngành và tổ chức tín dụng. Kỳ cung cấp: quý, năm
2. Tốc độ tăng M2. Kỳ cung cấp: quý, 6 tháng, năm
3. Nguồn vốn và sử dụng vốn của các tổ chức tín dụng. Phân theo khoản mục. Kỳ cung cấp: quý, năm
4. Tiền gửi so với GDP. Kỳ cung cấp: quý, 6 tháng, năm
5. Dư nợ tín dụng so với GDP. Kỳ cung cấp: quý, 6 tháng, năm
6. Lãi suất bình quân huy động và cho vay của các tổ chức tín dụng, lãi suất cơ bản, lãi suất tái cấp vốn. Phân theo kỳ hạn. Kỳ cung cấp: tháng, quý, năm
7. Lợi nhuận so với vốn tự có, so với tài sản có. Kỳ cung cấp: năm
8. Tỷ giá hối đoái bình quân. Phân theo loại ngoại tệ, của NHNN công bố; của thị trường liên ngành ngân hàng và của thị trường tự do. Phân theo kỳ hạn. Kỳ cung cấp: tháng, quý, năm



9. Doanh số cho vay, thu nợ, dư nợ của các tổ chức tín dụng, nợ khó đòi. Phân theo ngành kinh tế và loại hình kinh tế, ngắn hạn/trung hạn/dài hạn. Kỳ cung cấp: quý, năm

10. Cán cân thanh toán quốc tế. Phân theo khoản mục. Kỳ cung cấp: quý, năm

11. Dự trữ quốc tế. Kỳ cung cấp: quý, năm

#### **IV. BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

##### A. Vị trí và chức năng của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lao động, việc làm, an toàn lao động, dạy nghề, chính sách đối với thương binh, liệt sỹ và người có công, bảo trợ xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội (gọi chung là lao động, thương binh và xã hội) trong phạm vi cả nước; quản lý nhà nước các dịch vụ công và thực hiện đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc Bộ quản lý theo quy định của pháp luật.

##### B. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Dân số hoạt động kinh tế. Phân theo giới tính, thành thị/nông thôn, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

2. Dân số không hoạt động kinh tế. Phân theo giới tính, thành thị/nông thôn, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

3. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo. Phân theo giới tính, trình độ chuyên môn, vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

4. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị. Phân theo giới tính, nhóm tuổi, cấp trình độ, theo thời gian thất nghiệp, vùng kinh tế. Kỳ cung cấp: quý, năm

5. Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn. Phân theo giới tính, làm cho khu vực nông, lâm nghiệp - thủy sản và các khu vực khác, vùng kinh tế. Kỳ cung cấp: năm

6. Số lao động được giải quyết việc làm mới. Phân theo giới tính, ngành kinh tế, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: 6 tháng, năm; riêng giới tính, ngành kinh tế, tỉnh/thành phố

7. Số lao động xuất khẩu. Phân theo giới tính, nghề nghiệp, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: 6 tháng, năm

8. Số cơ sở dạy nghề. Phân theo loại hình, cấp quản lý, loại cơ sở, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

9. Số giáo viên dạy nghề. Phân theo loại hình, cấp quản lý, loại cơ sở, giới tính, dân tộc, dài hạn/ngắn hạn, trình độ, học hàm, học vị, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

10. Số học sinh đang học tuyển mới, tốt nghiệp các cơ sở dạy nghề. Phân theo loại hình, cấp quản lý, loại cơ sở, giới tính, dân tộc, dài hạn/ngắn hạn, nghề đào tạo, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

#### **V. BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO**

##### A. Vị trí và chức năng của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục bao gồm : giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục trung học chuyên nghiệp, giáo dục đại học, sau đại học và giáo dục không chính quy; quản lý nhà nước các dịch vụ công thuộc các lĩnh vực quản lý của Bộ;

thực hiện đại diện chủ sở hữu phân vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ theo quy định của pháp luật.

**B. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo**

1. Số trường, lớp, phòng học giáo viên, học sinh giáo dục mầm non. Phân theo loại hình, nhà trẻ/mẫu giáo/mầm non, tỉnh/thành phố, giáo viên, học sinh phân tổ thêm giới tính, dân tộc, nhóm tuổi. Kỳ cung cấp: khai giảng

2. Số trường, số lớp, số phòng học phổ thông. Phân theo loại hình, cấp trường, cấp học, tỉnh/thành phố, phòng học phân tổ thêm kiên cố/bán kiên cố. Kỳ cung cấp: khai giảng

3. Số giáo viên ở các trường phổ thông. Phân theo loại hình, cấp trường, cấp học, giới tính, dân tộc, nhóm tuổi, giáo viên chuẩn, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: khai giảng

4. Số học sinh phổ thông. Phân theo loại hình, cấp trường, cấp học, giới tính, dân tộc, nhóm tuổi, học sinh tiểu học 2 buổi, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: khai giảng

5. Số trường đạt chuẩn quốc gia. Phân theo cấp học, bậc học, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

6. Số cơ sở giáo dục không chính quy. Phân theo phương thức giáo dục, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: giữa năm học

7. Số giáo viên, số học sinh của các cơ sở giáo dục không chính quy. Phân theo phương thức giáo dục, giới tính, dân tộc, nhóm tuổi, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: giữa năm học.

8. Tỷ lệ đi học chung, tỷ lệ đi học đúng tuổi. Phân theo cấp học, giới tính, dân tộc, vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: giữa năm học

9. Tỷ lệ học sinh lưu ban, tỷ lệ học sinh bỏ học. Phân theo cấp học, giới tính, vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: khai giảng

10. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp. Phân theo cấp học, giới tính, vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: cuối năm học

11. Tỷ lệ học sinh chuyển cấp/hoàn thành cấp học. Phân theo cấp học, giới tính, vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: khai giảng

12. Tỷ số học sinh trên giáo viên, tỷ số học sinh trên lớp, tỷ số giáo viên trên lớp. Phân theo cấp học, vùng, tỉnh, thành phố. Kỳ cung cấp: khai giảng

13. Số tỉnh/thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục. Phân theo cấp học, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: quý, năm

14. Số trường trung học chuyên nghiệp. Phân theo loại hình, cấp quản lý, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

15. Số giáo viên trung học chuyên nghiệp. Phân theo loại hình, cấp quản lý, giới tính, dân tộc, hình thức đào tạo, trình độ, học hàm, học vị, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

16. Số trường cao đẳng. Phân theo loại hình, cấp quản lý, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

17. Số giảng viên các trường cao đẳng. Phân theo loại hình, cấp quản lý, giới tính, dân tộc, hình thức đào tạo, trình độ, học hàm, học vị, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

18. Số sinh viên đang học và tuyển mới, tốt nghiệp cao đẳng. Phân theo loại hình, cấp quản lý, giới tính, dân tộc, hình thức đào tạo, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

19. Số trường đại học. Phân theo loại hình, cấp quản lý, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
20. Số giáo viên các trường đại học. Phân theo loại hình, cấp quản lý, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
21. Số giảng viên các trường đại học. Phân theo loại hình, cấp quản lý, giới tính, dân tộc, hình thức đào tạo, cấp đào tạo, trình độ, học hàm, học vị, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
22. Số sinh viên đang học và tuyển mới, tốt nghiệp đại học. Phân theo loại hình, cấp quản lý, giới tính, dân tộc, hình thức đào tạo, cấp đào tạo, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
23. Đào tạo sau đại học. Phân theo cấp trình độ. Kỳ cung cấp: năm
24. Tỷ lệ nữ có học hàm, học vị. Phân theo loại học hàm, học vị. Kỳ cung cấp: năm
25. Chi cho hoạt động sự nghiệp GD - ĐT. Phân theo nguồn, cấp học. Kỳ cung cấp: năm

## **VI. BỘ VĂN HOÁ**

### A. Vị trí và chức năng của Bộ Văn hoá

Bộ Văn hoá - Thông tin là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về văn hoá, thông tin bao gồm : di sản văn hoá, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm, báo chí, xuất bản, quyền tác giả đối với tác phẩm văn học - nghệ thuật, thư viện, quảng cáo, văn hoá quần chúng, thông tin cổ động; quản lý nhà nước các dịch vụ công và thực hiện đại diện chủ sở hữu phần vốn của nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc lĩnh vực văn hoá, thông tin theo quy định của pháp luật

### B. Nhu cầu thông tin thống kê đối với Bộ Văn hoá

1. Số sách báo, tạp chí, văn hoá phẩm xuất bản. Phân theo Loại ấn phẩm, cấp quản lý, loại hình. Kỳ cung cấp: năm
2. Số phim nhựa và phim Video sản xuất, xuất, nhập khẩu. Phân theo loại phim, loại hình ( nhà nước đặt hàng/tư nhân). Kỳ cung cấp: năm
3. Số thư viện công cộng và số sách trong thư viện. Phân theo loại thư viện, cấp quản lý, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
4. Số đơn vị chiếu bóng. Phân theo tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
5. Số rạp chiếu bóng. Phân theo tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
6. Số đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp. Phân theo cấp quản lý, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
7. Số rạp hát. Phân theo cấp quản lý, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
8. Số nhà bảo tàng. Phân theo cấp quản lý, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
9. Số di tích được xếp hạng. Phân theo loại di tích, cấp quản lý, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
10. Tỷ lệ xã/phường/thị trấn có nhà văn hóa. Phân theo vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
11. Tỷ lệ hộ gia đình, làng/xóm/khu phố đạt tiêu chuẩn văn hoá quốc gia. Phân theo vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

12. Chi cho văn hoá thông tin. Phân theo nguồn, khoản chi. Kỳ cung cấp: năm

13. Tỷ lệ hộ được nghe đài tiếng nói Việt Nam, tỷ lệ hộ được xem đài truyền hình. Phân theo vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

## **VII. ỦY BAN THỂ DỤC THỂ THAO**

### A. Vị trí và chức năng của Ủy ban Thể dục Thể thao

Ủy ban Thể dục Thể thao là cơ quan ngang bộ của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thể dục thể thao trong phạm vi cả nước; quản lý nhà nước các dịch vụ công và thực hiện đại diện chủ sở hữu phần vốn của nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc lĩnh vực thể dục thể thao theo quy định của pháp luật.

### B. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Ủy ban Thể dục Thể thao

1. Số công trình luyện tập và thi đấu TDTT. Phân theo loại công trình, tiêu chuẩn, loại hình, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

2. Số cán bộ thể dục thể thao. Phân theo ngành quản lý, trình độ chuyên môn, giới tính, dân tộc, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

3. Số vận động viên đạt đẳng cấp cao. Phân theo môn, đẳng cấp, giới tính, dân tộc, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

4. Số huy chương đạt được trong các kỳ thi đấu quốc tế. Phân theo loại huy chương, môn, tập thể/cá nhân, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

5. Tỷ lệ người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên. Phân theo vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

## **VIII. BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG**

### A. Vị trí và chức năng của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ trong phạm vi cả nước; quản lý nhà nước các dịch vụ công và thực hiện đại diện chủ sở hữu phần vốn của nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật

### B. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Diện tích đất. Phân theo loại đất, hiện trạng sử dụng đất, nguyên nhân biến động, tỉnh/ thành phố. Kỳ cung cấp: năm

2. Số giờ nắng các tháng trong năm. Phân theo tháng, trạm quan sát. Kỳ cung cấp: năm

3. Lượng mưa các tháng trong năm. Phân theo tháng, trạm quan sát. Kỳ cung cấp: năm

4. Độ ẩm không khí trung bình các tháng trong năm. Phân theo tháng, trạm quan sát. Kỳ cung cấp: năm

5. Nhiệt độ không khí trung bình các tháng trong năm. Phân theo tháng, trạm quan sát. Kỳ cung cấp: năm

6. Mức nước và lưu lượng một số sông chính trong năm. Phân theo sông chính (trạm). Kỳ cung cấp: năm

7. Tỷ lệ che phủ rừng. Phân theo vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

8. Tỷ lệ diện tích rừng đặc dụng được bảo tồn. Phân theo vùng. Kỳ cung cấp: năm
9. Tỷ lệ diện tích đất được bảo vệ, duy trì đa dạng sinh học. Phân theo vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
10. Hàm lượng độc hại trong không khí. Phân theo trạm đo. Kỳ cung cấp: năm
11. Tỷ lệ diện tích mặt nước sông, hồ bị ô nhiễm. Phân theo trạm đo. Kỳ cung cấp: năm
12. Tỷ lệ khối lượng nước thải đã xử lý, tỷ lệ khối lượng nước thải chưa xử lý. Phân theo loại nước thải, vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
13. Tỷ lệ chất thải khí đã xử lý. Kỳ cung cấp: năm
14. Số vụ gây tràn dầu và rò rỉ hoá chất trên biển - diện tích bị ảnh hưởng. Phân theo vùng biển, hình thức. Kỳ cung cấp: năm
15. Tỷ lệ khối lượng chất thải rắn đã xử lý, tỷ lệ khối lượng chất thải rắn chưa xử lý. Kỳ cung cấp: năm
16. Cường độ tiếng ồn tại khu công nghiệp, khu tập trung dân cư. Phân theo trạm đo. Kỳ cung cấp: năm
17. Tỷ lệ hộ gia đình được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có cả tên vợ và tên chồng. Phân theo vùng, thành thị/nông thôn, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
18. Thu chi cho bảo vệ môi trường. Phân theo nguồn. Kỳ cung cấp: năm

## **IX. BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG**

### **A. Vị trí và chức năng của Bộ Bưu chính, Viễn thông**

Bộ Bưu chính, Viễn thông là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, điện tử, internet, truyền dẫn phát sóng, tần số vô tuyến điện và cơ sở hạ tầng thông tin quốc gia trong phạm vi cả nước (sau đây gọi chung là bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin); quản lý nhà nước các dịch vụ công và thực hiện đại diện chủ sở hữu phần vốn của nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật.

### **B. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Bộ Bưu chính, Viễn thông**

1. Sản lượng sản phẩm bưu chính viễn thông chủ yếu. Phân theo loại sản phẩm. Kỳ cung cấp: tháng, quý, năm
2. Số thuê bao điện thoại. Phân theo cố định/di động, cố định phân theo thành thị/nông thôn, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: tháng, quý, năm
3. Số thuê bao Internet. Phân trực tiếp/gián tiếp. Kỳ cung cấp: tháng, quý, năm.
4. Số người sử dụng Internet. Kỳ cung cấp: tháng, quý, năm
5. Số đơn vị có website. Phân theo ngành kinh tế, loại hình kinh tế, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
6. Mạng lưới và thiết bị bưu chính viễn thông chủ yếu. Phân theo lĩnh vực bưu chính, viễn thông. Kỳ cung cấp: năm

## **X. BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

### **A. Vị trí và chức năng của Bộ khoa học công nghệ**

Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khoa học và công nghệ, phát triển tiềm lực khoa

học và công nghệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm, sở hữu trí tuệ, năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong lĩnh vực thuộc Bộ quản lý; thực hiện đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc Bộ quản lý theo quy định của pháp luật.

**B. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Bộ Khoa học công nghệ**

1. Số đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ. Phân theo loại hình hoạt động, lĩnh vực khoa học. Kỳ cung cấp: năm
2. Số cán bộ làm công tác nghiên cứu và phát triển. Phân theo giới tính, loại cán bộ và trình độ. Kỳ cung cấp: năm
3. Số lao động trong các đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ. Phân theo giới tính, tuổi, lĩnh vực hoạt động, khối. Kỳ cung cấp: năm
4. Số đề tài nghiên cứu khoa học đưa vào thực hiện. Phân theo Cấp đề tài, lĩnh vực nghiên cứu. Kỳ cung cấp: năm
5. Chi đầu tư cho nghiên cứu khoa học công nghệ phân theo nguồn. Kỳ cung cấp: năm

**XI. ỦY BAN DÂN SỐ GIA ĐÌNH VÀ TRẺ EM**

**A. Vị trí và chức năng của Ủy ban dân số gia đình và trẻ em**

Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em là cơ quan ngang Bộ của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về dân số, gia đình và trẻ em; quản lý nhà nước các dịch vụ công thuộc lĩnh vực dân số, gia đình và trẻ em.

**B. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Ủy ban dân số gia đình và trẻ em**

1. Tỷ lệ bà mẹ sinh con thứ 3 trở lên. Phân theo thành thị, nông thôn, tỉnh, thành phố. Kỳ cung cấp: năm
2. Tỷ lệ sử dụng các pháp tránh thai. Phân theo loại biện pháp, giới tính, nhóm tuổi, thành thị/nông thôn, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

**XII. BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**A. Vị trí và chức năng của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn**

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và phát triển nông thôn trong phạm vi cả nước; quản lý nhà nước các dịch vụ công và thực hiện đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ theo quy định của pháp luật.

**B. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn**

1. Tỷ lệ chiều dài kênh mương được kiên cố hoá. Phân theo tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
2. Diện tích rừng hiện có. Phân theo Loại rừng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
3. Diện tích rừng được chăm sóc. Phân theo loại rừng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: 6 tháng, năm
4. Thiệt hại rừng (diện tích, giá trị). Phân theo nguyên nhân, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: 6 tháng, năm
5. Công trình thủy lợi và năng lực tưới tiêu. Phân theo Loại công trình, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

6. Diện tích cây hàng năm được làm đất bằng máy. Phân theo loại cây chủ yếu, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

7. Diện tích cây hàng năm được tưới tiêu. Phân theo loại cây chủ yếu, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

8. Số lượng và công suất máy móc nông, lâm nghiệp – thủy sản chủ yếu. Phân theo loại máy móc, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

9. Số vụ thiên tai, mức độ thiệt hại. Phân theo loại thiên tai, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: tháng, năm

### **XIII. BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

#### A. Vị trí và chức năng của Bộ Giao thông vận tải

Bộ Giao thông vận tải là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, đường sông, hàng hải và hàng không trong phạm vi cả nước; quản lý nhà nước các dịch vụ công và thực hiện đại diện chủ sở hữu phần vốn của nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc Bộ quản lý theo quy định của pháp luật

#### B. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Bộ Giao thông vận tải

1. Chiều dài đường bộ, đường sắt. Phân theo loại đường, cấp quản lý, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

2. Số lượng, công suất thiết kế (năng lực) một số phương tiện vận tải chủ yếu. Phân theo ngành vận tải, loại phương tiện, loại hình kinh tế, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

3. Số lượng và năng lực bốc xếp của cảng. Phân theo cảng biển, cảng sông, cảng hàng không, tỉnh/thành phố.

4. Khối lượng hàng hoá thông qua cảng. Phân theo cảng biển, cảng sông, cảng hàng không, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

### **XIV. BỘ Y TẾ**

#### A. Vị trí và chức năng của Bộ Y tế

Bộ Y tế là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, bao gồm các lĩnh vực : y tế dự phòng, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, y học cổ truyền, thuốc phòng chữa bệnh cho người, mỹ phẩm ảnh hưởng đến sức khỏe con người, an toàn vệ sinh thực phẩm và trang thiết bị y tế; quản lý nhà nước các dịch vụ công thuộc các lĩnh vực quản lý của Bộ và thực hiện đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc Bộ quản lý theo quy định của pháp luật

#### B. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Bộ Y tế

1. Số cơ sở y tế, số giường bệnh, số cán bộ y tế. Phân theo Cấp quản lý, loại hình, loại cơ sở, tỉnh/thành phố, người làm công tác y tế phân tổ thêm giới tính, trình độ, dân tộc. Kỳ cung cấp: năm

2. Số giường bệnh, số cán bộ y tế tính trên 1 vạn dân. Phân theo vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

3. Tỷ lệ trạm y tế xã/phường/ thị trấn có bác sỹ. Phân theo Vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

4. Tỷ lệ trạm y tế xã/phường/ thị trấn có nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi. Phân theo Vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

5. Tỷ số mắc mười bệnh cao nhất tính trên 100000 dân. Phân theo loại bệnh. Kỳ cung cấp: năm

6. Tỷ số chết mười bệnh cao nhất tính trên 100000 dân. Phân theo loại bệnh. Kỳ cung cấp: năm
7. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng vắc xin. Phân theo đầy đủ 6 loại vắc xin, loại vắc xin, giới tính, vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
8. Số trẻ em dưới 15 tuổi mắc 6 loại bệnh được tiêm chủng vắc xin. Phân theo loại bệnh, giới tính. Kỳ cung cấp: năm
9. Số trẻ em dưới 15 tuổi chết do 6 loại bệnh được tiêm chủng vắc xin. Phân theo loại bệnh, giới tính. Kỳ cung cấp: năm
10. Tỷ lệ trẻ sơ sinh thiếu cân (dưới 2500gram). Phân theo Thành thị/nông thôn, giới tính, vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
11. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng. Phân theo mức độ suy dinh dưỡng, giới tính, dân tộc, tháng tuổi, vùng, thành thị/nông thôn, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
12. Tỷ lệ sản phụ được chăm sóc tại các cơ sở y tế. Phân theo vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
13. Số mắc, số chết các bệnh gây dịch. Phân theo Giới tính, nhóm tuổi, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
14. Số người nhiễm HIV, số chết vì AIDS. Phân theo giới tính, nhóm tuổi, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
15. Tổng nguồn vốn và sử dụng nguồn vốn cho hoạt động y tế (Tài khoản quốc gia y tế). Phân theo nguồn vốn và khoản sử dụng vốn. Kỳ cung cấp: năm

## **XV. BỘ THƯƠNG MẠI**

### **A. Vị trí và chức năng của Bộ Thương Mại**

Bộ Thương mại là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thương mại; quản lý nhà nước các dịch vụ công và thực hiện đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ theo quy định của pháp luật.

### **B. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Bộ Thương Mại**

1. Mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại. Phân theo loại chợ, loại hình kinh tế, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
2. Số đơn vị có giao dịch thương mại điện tử (e-commerce). Phân theo ngành kinh tế, loại hình kinh tế, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

## **XVI. ĐÀI TIẾNG NÓI VIỆT NAM**

### **A. Vị trí và chức năng của Đài Tiếng nói Việt Nam**

Đài Tiếng nói Việt Nam là Đài Phát thanh quốc gia thuộc Chính phủ thực hiện chức năng thông tin, tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; góp phần giáo dục, nâng cao dân trí, phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân bằng các chương trình phát thanh; thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể về đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc Đài Tiếng nói Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Đài Tiếng nói Việt Nam chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Văn hoá - Thông tin về hoạt động báo chí và quản lý nhà nước của Bộ Bưu chính, Viễn thông về tần số truyền dẫn, phát sóng phát thanh.

### **B. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Đài tiếng nói Việt Nam**



1. Số giờ phát sóng phát thanh. Phân theo tiếng Kinh/dân tộc/nước ngoài, nội dung chương trình. Kỳ cung cấp: năm
2. Số giờ phát sóng truyền hình. Phân theo tiếng Kinh/dân tộc/nước ngoài, nội dung chương trình. Kỳ cung cấp: năm

## **XVII. BỘ CÔNG AN**

### A. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Bộ Công an

1. Số lượt khách quốc tế đến Việt Nam. Phân theo mục đích, quốc tịch, phương tiện. Kỳ cung cấp: tháng, quý, năm
2. Số lượt khách Việt Nam đi ra nước ngoài. Phân theo mục đích, phương tiện, nước đến. Kỳ cung cấp: tháng, quý, năm
3. Số người chuyển đi tỉnh khác. Phân theo giới tính, tuổi, thành thị/nông thôn, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
4. Số người tỉnh khác chuyển đến. Phân theo giới tính, tuổi, thành thị/nông thôn, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
5. Số trẻ em và phụ nữ bị bán ra nước ngoài. Phân theo nhóm tuổi, vùng, thành thị/nông thôn, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
6. Số vụ cháy nổ, mức độ thiệt hại. Phân theo loại cháy nổ, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: tháng, năm

## **XVIII. BỘ TƯ PHÁP**

### A. Vị trí và chức năng của Bộ Tư pháp

Bộ Tư pháp là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác xây dựng pháp luật, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, thi hành án dân sự, hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp và công tác tư pháp khác trong phạm vi cả nước; thực hiện quản lý nhà nước các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của Bộ theo quy định của pháp luật.

### B. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Bộ Tư pháp

1. Số người kết hôn. Phân theo giới tính, tuổi, tình trạng trước khi kết hôn, thành thị/nông thôn, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
2. Số trẻ em sinh. Phân theo giới tính, tuổi người mẹ, thành thị/nông thôn, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
3. Số người chết. Phân theo giới tính, tuổi khi chết, thành thị/nông thôn, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

## **XIX. TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

### A. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Toà án nhân dân tối cao

1. Số người ly hôn. Phân theo giới tính, tuổi, thành thị/nông thôn, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
2. Số vụ, số người phạm tội đã kết án. Phân theo loại tội, số người phân tử thêm giới tính, nhóm tuổi, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
3. Tỷ lệ số vụ ngược đãi phụ nữ trong gia đình được xử lý so với số vụ đã phát hiện. Phân theo vùng, thành thị/nông thôn, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

## **XX. VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO**

### A. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao

1. Số vụ, số người phạm tội đã khởi tố. Phân theo loại tội, số người phân tử thêm giới tính, nhóm tuổi, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

## **XX. ỦY BAN AN TOÀN GIAO THÔNG QUỐC GIA**

#### A. Yêu cầu thông tin thống kê đối với UBATGTQG

1. Số vụ, số người chết, số người bị thương do tai nạn giao thông. Phân theo loại phương tiện, nguyên nhân, đối tượng gây tai nạn, địa bàn xảy ra tai nạn.  
Kỳ cung cấp: tháng, năm

### **XXI. ỦY BAN THỂ DỤC THỂ THAO**

#### A. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Ủy ban thể dục thể thao

1. Số công trình luyện tập và thi đấu TDTT. Phân theo loại công trình, tiêu chuẩn, loại hình, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

2. Số cán bộ thể dục thể thao. Phân theo ngành quản lý, trình độ chuyên môn, giới tính, dân tộc, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

3. Số vận động viên đẳng cấp cao. Phân theo môn, đẳng cấp, giới tính, dân tộc, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

4. Số huy chương đạt được trong các kỳ thi quốc tế. Phân theo loại huy chương, môn, tập thể/cá nhân, tỉnh/thành phố; cá nhân chia theo giới tính. Kỳ cung cấp: năm

5. Tỷ lệ người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên. Phân theo vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

### **XXII. BỘ NỘI VỤ**

#### A. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Bộ Nội vụ

1. Tỷ lệ nữ là đại biểu HĐND. Phân theo cấp, dân tộc, nhóm tuổi, trình độ học vấn. Kỳ cung cấp: đầu khoá

2. Tỷ lệ nữ đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo chính quyền, đảng, đoàn thể. Phân theo cấp, dân tộc, nhóm tuổi, trình độ học vấn. Kỳ cung cấp: năm

### **XXIII. VĂN PHÒNG QUỐC HỘI**

#### A. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Văn phòng Quốc hội

1. Tỷ lệ nữ là đại biểu Quốc hội. Phân theo dân tộc, nhóm tuổi, trình độ học vấn. Kỳ cung cấp: đầu khoá

### **XXIII. VĂN PHÒNG TRUNG ƯƠNG ĐẢNG**

#### A. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Văn phòng Trung ương Đảng

1. Tỷ lệ nữ tham gia các cấp Ủy Đảng. Phân theo cấp uỷ, dân tộc, nhóm tuổi, trình độ học vấn. Kỳ cung cấp: đầu khoá

## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Luật Thống kê ban hành là văn bản pháp lý cao nhất cho hoạt động thống kê. Luật đã tạo điều kiện để Tổng cục Thống kê nâng cao vai trò điều phối của mình, thông qua việc trình Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, ban hành chương trình điều tra thống kê quốc gia, ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành...

Đối với các thông tin về sản xuất kinh doanh, thông tin từ hộ gia đình hiện nay và có thể còn khá lâu dài nữa thì chưa có Bộ, ngành nào có thể thay thế được Tổng cục Thống kê thu thập, tổng hợp từ ngành dọc của mình. Nhưng những thông tin tổng hợp từ hồ sơ hành chính thì phải thông qua kênh Bộ, ngành để thu thập, tổng hợp để nâng cao hiệu quả của hoạt động thống kê. Muốn thu thập nguồn thông tin từ kênh Bộ, ngành thì Tổng cục Thống kê phải xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành không chỉ giúp cho Tổng cục Thống kê có thông tin về các ngành, lĩnh vực do các Bộ, ngành được Chính phủ giao trách nhiệm quản lý nhà nước hình thành hệ thống thông tin của quốc gia, dần dần thay thế những thông tin đó mà Tổng cục Thống kê thường phải thông qua ngành dọc để thu thập, mà còn từ chế độ báo cáo thống kê này, các Bộ, ngành sẽ ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các sở, ngành ở cấp tỉnh, các phòng ban chuyên môn ở cấp huyện. Khi thẩm định chế độ báo cáo thống kê tổng hợp do các Bộ, ngành ban hành, Tổng cục Thống kê sẽ qui định những báo cáo nào có liên quan đến hệ thống chỉ tiêu quốc gia thì các phòng, ban chuyên môn ở cấp huyện phải đồng gửi cho phòng thống kê cấp huyện và các sở, ngành ở cấp tỉnh phải đồng gửi cho Cục Thống kê nhằm phục vụ lãnh đạo địa phương và để khắc phục tình trạng mà các Cục Thống kê thường phàn nàn là Tổng cục biến các Cục Thống kê thành người đi xin số liệu của các sở ngành.

Để đẩy nhanh việc nghiên cứu hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành, đề nghị:

- Sớm trình Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;
- Khẩn trương xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành;
- Khẩn trương xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chương trình điều tra thống kê quốc gia;
- Khẩn trương xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các bảng phân loại thống kê để các Bộ, ngành, tỉnh/thành phố thực hiện đồng thời với chế độ báo cáo;
- Khẩn trương biên soạn tài liệu qui định khái niệm, nội dung, phương pháp tính, nguồn số liệu, hình thức thu thập thông tin của từng chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;
- Sửa đổi về căn bản chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với Cục Thống kê, phòng thống kê huyện, thống kê xã, thống kê doanh nghiệp, kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

Cùng với việc tuyên truyền phổ biến Luật Thống kê là hàng loạt các công việc trên cần được khẩn trương tiến hành vì đây chính là công cụ để đưa Luật Thống kê vào cuộc sống

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Thống kê do Quốc hội thông qua ngày 17/6/2003, Lệnh số 13/2003/L/CTN ngày 26/6/2003 của Chủ tịch nước công bố.
2. Nghị định số 40/2004/NĐ - CP ngày 13/02/2004 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê.
3. Tài liệu Hỏi - Đáp về Luật Thống kê của Tổng cục Thống kê
4. Các quyết định ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các Bộ, ngành từ năm 1963 đến nay
5. Dự thảo hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia

## DANH MỤC SẢN PHẨM ĐẠT ĐƯỢC

### ***1. Thu thập thông tin:***

- Danh mục chế độ báo cáo thống kê định kỳ và điều tra thống kê từ năm 1960 - 2004: 100 trang
- Chế độ báo cáo thống kê định kỳ về xây dựng cơ bản áp dụng cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng đối với Tổng cục Hải quan.
- Chế độ báo cáo thống kê định kỳ đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có hoạt động thương nghiệp.
- Chế độ báo cáo thống kê định kỳ về lao động, thu nhập, giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá thông tin, thể thao áp dụng cho các Bộ, uỷ ban nhà nước và các cơ quan trung ương;
- Chế độ báo cáo thống kê định kỳ về vốn đầu tư xây lắp và khảo sát thiết kế quy hoạch xây dựng áp dụng đối với bộ, ngành và các tổng công ty có tổ chức hạch toán toàn ngành.

### ***2. Hoàn thành 5 báo cáo chuyên đề:***

- Chuyên đề nghiên cứu cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn để hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với Bộ, ngành;
- Chuyên đề vị trí của chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành trong lược đồ thu thập thông tin thống kê;
- Chuyên đề đánh giá thực trạng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành và nguyên nhân của những hạn chế, bất cập;
- Chuyên đề xác định yêu cầu thông tin thống kê đối với Bộ, ngành;
- Chuyên đề những nguyên tắc cơ bản của việc hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ**

**BÁO CÁO TÓM TẮT**  
**KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**  
**ĐỀ TÀI CẤP CƠ SỞ**

**NGHIÊN CỨU CƠ SỞ LÝ LUẬN, CƠ SỞ THỰC TIỄN**  
**ĐỂ HOÀN THIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ**  
**TỔNG HỢP ÁP DỤNG ĐỐI VỚI BỘ, NGÀNH**

**Đơn vị chủ trì:** Vụ Phương pháp Chế độ  
**Chủ nhiệm:** Đào Ngọc Lâm  
**Thư ký:** Nguyễn Huy Minh

*Hà Nội, năm 2004*

## MỤC LỤC

	Trang
PHẦN THỨ NHẤT: SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU HOÀN THIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	1
<b>I. Vị trí của chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành</b>	<b>2</b>
1. Lược đồ thu thập thông tin thống kê	2
2. Vị trí của chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành trong lược đồ thu thập thông tin thống kê	2
<b>II. Thực trạng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành</b>	<b>6</b>
1. Quá trình ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp	6
2. Những nhận xét rút ra từ hiện trạng	10
PHẦN THỨ HAI: CƠ SỞ LÝ LUẬN, CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ NHỮNG NGUYÊN TẮC CƠ BẢN KHI HOÀN THIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ TỔNG HỢP ÁP DỤNG ĐỐI VỚI BỘ, NGÀNH	
<b>I. Cơ sở lý luận</b>	<b>12</b>
<b>II. Cơ sở pháp lý</b>	<b>13</b>
1. Tuân theo qui định của Luật Thống kê	13
2. Tuân theo qui định của Luật ban hành văn bản qui phạm pháp luật	15
<b>III. Những nguyên tắc cơ bản khi hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành</b>	<b>16</b>
1. Đáp ứng yêu cầu	16
2. Bảo đảm tính khả thi	20
3. Bảo đảm tính thống nhất	23
4. Không trùng lặp	25
PHẦN THỨ BA: YÊU CẦU THÔNG TIN ĐỐI VỚI TỪNG BỘ, NGÀNH	
1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư	27
2. Bộ Tài chính	27
3. Ngân hàng nhà nước	29
4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	30
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo	31
6. Bộ Văn hoá - Thông tin	33
7. Ủy ban Thể dục thể thao	34
8. Bộ Tài nguyên môi trường	34
9. Bộ Bưu chính Viễn thông	36
10. Bộ Khoa học và Công nghệ	36
11. Ủy ban Dân số - Gia đình - Trẻ em	37
12. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn	37
13. Bộ Giao thông vận tải	38
14. Bộ Y tế	39
15. Bộ Thương mại	40
16. Đài tiếng nói Việt Nam	40
17. Bộ Công an	41
18. Bộ Tư pháp	42
Kết luận	46
	2

## MỞ ĐẦU

Luật Thống kê đã được Quốc hội khoá XI kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2003, được chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 13/2003/L/CTN ngày 26/6/2003, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2004 và Chính phủ ra Nghị định số 40/2004/NĐ- CP ngày 13 tháng 02 năm 2004 qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thống kê.

Một trong những nội dung của Luật phải được khẩn trương thi hành, đồng thời cũng là một trong những công cụ để đưa Luật Thống kê vào cuộc sống, là việc xây dựng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các Bộ, ngành.

Đây là việc làm không đơn giản bởi chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với bộ, ngành thực chất là một kênh thông tin quan trọng, nhất là những chỉ tiêu liên quan đến việc tổng hợp từ hồ sơ hành chính. Với mô hình tổ chức thông tin thống kê của Việt Nam mà Luật Thống kê đã lựa chọn và quyết định (mô hình tập trung kết hợp với phân tán), thì những thông tin tổng hợp từ hồ sơ hành chính do các bộ, ngành thu thập, tổng hợp là không thể thiếu được.

### ***Đề tài này gồm 3 phần lớn sau đây:***

- Sự cần thiết của việc nghiên cứu hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành
- Cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và những nguyên tắc cơ bản khi hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành
- Yêu cầu thông tin đối với từng Bộ, ngành



## PHẦN THỨ NHẤT

### **SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU HOÀN THIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ TỔNG HỢP ÁP DỤNG ĐỐI VỚI BỘ, NGÀNH**

#### **I. VỊ TRÍ CỦA CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ TỔNG HỢP ÁP DỤNG ĐỐI VỚI BỘ, NGÀNH**

##### ***1. Lược đồ thu thập thông tin thống kê:***

Theo tinh thần của Luật Thống kê, lược đồ thu thập thông tin thống kê có dạng tổng quát như sau:

a. Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, Tổng cục Thống kê chủ trì phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ ban hành.

- Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao căn cứ vào hệ thống chỉ tiêu quốc gia được phân công và yêu cầu quản lý, sử dụng của Bộ, ngành để ban hành các chỉ tiêu thống kê thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách. Như vậy, chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành bao gồm:

- + Những chỉ tiêu thống kê quốc gia được phân công thu thập, tổng hợp
- + Những chỉ tiêu phục vụ yêu cầu quản lý, sử dụng thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

b. Căn cứ vào hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phân công cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tổng cục Thống kê xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ căn cứ vào hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành xây dựng và ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh về ngành, lĩnh vực phụ trách sau khi có sự thẩm định về chuyên môn nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê;

- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng riêng đối với các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân để phục vụ trực tiếp cho an ninh quốc phòng sau khi có sự thẩm định về chuyên môn nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê;

- Cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ký ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh về những chỉ tiêu thống kê thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách sau khi có sự thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê.

- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với hệ thống Tòa án, Viện Kiểm sát sau khi có sự thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê

- Các Bộ, ngành căn cứ chỉ tiêu thống kê trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia được phân công và chế độ báo cáo thống kê tổng hợp của Nhà nước, đề nghị các cuộc điều tra thống kê dự kiến tiến hành trong 5 năm và hàng năm, gửi Tổng cục Thống kê trong quý II năm trước của kỳ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm. Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm rà soát, cân đối các cuộc điều tra do các bộ, ngành đề nghị và các cuộc điều tra thống kê do Tổng cục Thống kê tiến hành, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ ra quyết định ban hành chương trình điều tra thống kê quốc gia.

- Ngoài các cuộc điều tra theo chương trình điều tra thống kê quốc gia, các cuộc điều tra thống kê còn được tiến hành trong các trường hợp sau:

+ Điều tra thống kê đột xuất khi có thiên tai, dịch họa, dịch bệnh hoặc các trường hợp đột xuất khác

+ Điều tra thống kê để thu thập các thông tin về các chỉ tiêu phục vụ yêu cầu quản lý của bộ, ngành thuộc lĩnh vực phụ trách nhưng chưa có trong hệ thống chỉ tiêu quốc gia;

+ Điều tra thống kê của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhằm thu thập thông tin thống kê có tính chất đặc thù phục vụ yêu cầu quản lý của địa phương mà những thông tin đó chưa có trong hệ thống chỉ tiêu quốc gia.

c. Để thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp, một trong những cơ sở quan trọng là thu thập thông tin bằng chế độ báo cáo thống kê cơ sở.

- Chế độ báo cáo thống kê cơ sở bao gồm các qui định về đối tượng thực hiện, phạm vi, nội dung báo cáo, kỳ hạn, thời hạn thực hiện, nơi nhận báo cáo do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để thu thập thông tin thống kê từ các chứng từ, sổ ghi chép số liệu ban đầu.

- Đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở bao gồm:

+ Doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập

+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

+ Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp

+ Các cơ quan, đơn vị thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có sử dụng ngân sách nhà nước.

- Thẩm quyền ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở:

+ Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở để thu thập thông tin thống kê đối với những chỉ tiêu thống kê quốc gia do Tổng cục Thống kê được phân công thực hiện.

+ Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành chế độ báo cáo thống

kê cơ sở để thu thập thông tin thống kê đối với những chỉ tiêu thống kê quốc gia được phân công thực hiện và các chỉ tiêu thống kê thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách sau khi có sự thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê.

## **2. Vị trí của chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với bộ, ngành trong lược đồ thu thập thông tin thống kê**

a. Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với bộ, ngành là khâu giữ vị trí thứ hai trong lược đồ thu thập thông tin thống kê, đứng ngay sau hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, là một khâu thu thập thông tin quan trọng để thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia. Lược đồ trên được thực hiện theo mô hình thống kê Việt Nam mà Luật Thống kê qui định.

Theo mô hình tập trung kết hợp phân tán mà Việt Nam lựa chọn thì thông tin thống kê được thu thập theo hai kênh:

- Kênh thống kê tập trung: thu thập những thông tin thống kê liên quan đến sản xuất kinh doanh từ các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh cá thể, liên quan đến các chỉ tiêu thu thập từ hộ gia đình.

- Kênh thống kê bộ, ngành: thu thập những thông tin chủ yếu được tổng hợp từ hồ sơ hành chính.

Những thông tin tổng hợp từ hồ sơ hành chính được thu thập qua kênh bộ, ngành, bao gồm:

- + Các thông tin về ngân sách từ Bộ Tài chính,
- + Các thông tin về tiền tệ- tín dụng từ Ngân hàng Nhà nước,
- + Các thông tin về xuất nhập khẩu hàng hoá từ Tổng cục Hải quan,
- + Các thông tin về giáo dục - đào tạo từ Bộ Giáo dục - Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,
- + Các thông tin về y tế sức khoẻ từ Bộ Y tế
- + Các thông tin khoa học - công nghệ từ Bộ Khoa học - Công nghệ,
- + Các thông tin văn hoá từ Bộ Văn hoá thông tin,
- + Các thông tin về môi trường từ Bộ Tài nguyên và Môi trường,
- + Các thông tin trật tự, trị an, tội phạm, xử án từ Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao,

b. Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với Bộ, ngành là căn cứ quan trọng để hình thành chỉ tiêu thống kê của Bộ, ngành, hình thành các cuộc điều tra thống kê quốc gia phân công cho các Bộ, ngành thực hiện, hình thành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp mà các Bộ, ngành ban hành đối với sở, ngành ở cấp tỉnh, đối với các phòng ban chuyên môn ở cấp huyện và hình thành chế độ báo cáo thống kê cơ sở về ngành và lĩnh vực.

## **II. THỰC TRẠNG CỦA VIỆC THU THẬP THÔNG TIN TỪ CÁC BỘ, NGÀNH HIỆN NAY**

1. Quá trình ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành

Nghị định 27 - CP ngày 22/2/1962 của Chính phủ đã qui định các nguyên tắc lập và ban hành chế độ, biểu mẫu báo cáo thống kê và phương án điều tra thống kê. Căn cứ vào Nghị định này, Thủ tướng Chính phủ và Tổng cục Thống kê đã ban hành các chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành. Cụ thể:

- Ngày 21/1/1963, Thủ tướng Chính phủ ban hành bổ sung chế độ báo cáo thống kê định kỳ về xây dựng cơ bản áp dụng cho các Bộ, cơ quan ngang bộ..

- Ngày 25/5/1963, Tổng cục Thống kê ban hành bổ sung chế độ báo cáo thống kê định kỳ về xây dựng cơ bản áp dụng đối với bộ, tổng cục.

- Ngày 13/7/1963, Tổng cục Thống kê ban hành các biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ về lao động tiền lương áp dụng cho các Bộ, cơ quan ngang bộ..

- Ngày 10/6/1964, Tổng cục Thống kê ban hành chế độ và biểu mẫu báo cáo nhanh, báo cáo ước tính và báo cáo chính thức định kỳ dụng cho các Bộ, cơ quan ngang bộ, các tổng cục

- Ngày 9/11/1965, Tổng cục Thống kê - Tổng cục Bưu điện - truyền thanh ban hành quyết định 668 -LB về việc sửa đổi chế độ báo cáo định kỳ đã ban hành theo quyết định số 21 - QĐ ngày 11/3/1963 của Tổng cục Bưu điện - Tổng cục Thống kê - Truyền thanh.

- Ngày 29/2/1968, Tổng cục Thống kê ban hành bản qui định cụ thể thống kê biểu mẫu báo cáo nhanh ( bao gồm cả tiến độ báo cáo nhanh và báo cáo ước tính quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm) về tình hình thực hiện kế hoạch nhà nước áp dụng cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Hội đồng Chính phủ

Mô hình báo cáo mang tính tổng hợp và tập trung vào việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước, bộ ngành nào có chỉ tiêu nào thì thu thập, tổng hợp và báo cáo về chỉ tiêu đó.

- Ngày 15/5/1971, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 119/TCTK - QĐ ban hành bản qui định cụ thể hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê nhanh về xây dựng cơ bản áp dụng cho các bộ, ngành Trung ương

- Ngày 2/6/1971, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 108/TCTK - QĐ ban hành chế độ báo cáo thống kê định kỳ chính thức về thông tin truyền thanh áp dụng cho Tổng cục Thông tin

- Ngày 12/6/1971, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 117/TCTK - QĐ ban hành hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức về thương nghiệp, thu mua và ăn uống công cộng, áp dụng cho các bộ, ngành trung ương có quản lý kinh doanh thương nghiệp

- Ngày 10/7/1971, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 136/TCTK- QĐ ban hành bản qui định cụ thể hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức về vật tư, kỹ thuật áp dụng cho các bộ, ngành

- Ngày 26/7/1971, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 147/TCTK - QĐ ban hành bản qui định cụ thể hệ thống biểu mẫu và báo cáo thống kê chính

thức về lao động, tiền lương, đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân kỹ thuật áp dụng cho các bộ, ngành và đoàn thể trung ương

- Ngày 12/8/1971, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 157/TCTK - PPCĐ ban hành hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức về nông, lâm nghiệp áp dụng cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Hội đồng Chính phủ.

- Ngày 13/8/1971, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 158/TCTK - PPCĐ ban hành hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức về thể dục, thể thao áp dụng cho Tổng cục thể dục thể thao

- Ngày 13/8/1971, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 159/TCTK - PPCĐ ban hành hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức về văn hoá áp dụng cho Bộ văn hoá.

- Ngày 13/8/1971, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 160/TCTK - PPCĐ ban hành hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức về giáo dục áp dụng cho Bộ Giáo dục.

- Ngày 13/8/1971, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 161/TCTK - PPCĐ ban hành hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức về thông tin truyền thanh áp dụng cho Tổng cục Thông tin.

- Ngày 28/12/1971, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 161/TCTK - PPCĐ ban hành hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức về giao thông vận tải áp dụng cho Bộ giao thông vận tải

- Ngày 28/12/1971, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 250/TCTK - PPCĐ ban hành hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức về bưu điện áp dụng đối với Tổng cục Bưu điện.

- Ngày 22/6/1971, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 48/TCTK - PPCĐ ban hành hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức về công nghiệp áp dụng cho các bộ, ngành có quản lý công nghiệp.

- Ngày 1/3/1978, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 161/TCTK - PPCĐ ban hành hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ của Tổng công ty xuất nhập khẩu bộ ngoại thương.

- Ngày 25/11/1989, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 211/TCTK - PPCĐ ban hành chế độ báo cáo thống kê giá cả áp dụng đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh của Nhà nước, các điểm điều tra giá, các bộ, ngành và các cơ quan thống kê tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc trung ương.

- Ngày 22/11/1990, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 182/TCTK - PPCĐ ban hành hệ thống chỉ tiêu báo cáo và điều tra thống kê trong ngành công nghiệp ban hành chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng đối với các Bộ có quản lý công nghiệp, tỉnh/thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương.

- Ngày 20/12/1990, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 218/TCTK - PPCĐ ban hành chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng đối với Tổng cục Hải quan.

- Ngày 28/12/1990, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 05/TCTK - PPCĐ ban hành hệ thống chỉ tiêu báo cáo và điều tra thống kê trong ngành xây dựng cơ bản và chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng đối với các Bộ, ngành có quản lý xây dựng cơ bản, các tỉnh/thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương

- Ngày 31/12/1990, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 219/TCTK - PPCĐ ban hành hệ thống chỉ tiêu và chế độ báo cáo thống kê định kỳ về lao động, thu nhập, giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá thông tin, thể thao áp dụng cho các bộ, uỷ ban nhà nước và các cơ quan trung ương.

- Ngày 1/4/1994, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 33/TCTK - PPCĐ ban hành hệ chế độ báo cáo thống kê định kỳ đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có hoạt động thương nghiệp.

- Ngày 13/8/1971, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 161/TCTK - PPCĐ ban hành hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức về thông tin truyền thanh áp dụng cho Tổng cục Thông tin.

- Ngày 4/4/1995, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 58/TCTK - PPCĐ ban hành chế độ báo cáo thống kê định kỳ về vốn đầu tư xây lắp và khảo sát thiết kế quy hoạch xây dựng áp dụng đối với bộ, ngành và các tổng công ty có tổ chức hạch toán toàn ngành.

- Ngày 5/11/1995, Tổng cục Thống kê ra quyết định số 296/TCTK - PPCĐ ban hành hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

## 2. Những nhận xét rút ra từ thực trạng:

Như vậy, việc ban hành chế độ báo cáo áp dụng đối với bộ, ngành trong thời kỳ này có một số điểm lưu ý:

a. Tổng cục Thống kê được ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với bộ, ngành trên cơ sở quyết định 168 - TTg ngày 17/9/1970 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê.

Nay theo qui định của Hiến pháp, Luật ban hành các văn bản qui phạm pháp luật, Tổng cục Thống kê là cơ quan trực thuộc Chính phủ không có quyền ban hành văn bản qui phạm pháp luật. Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với bộ, ngành là một loại văn bản qui phạm pháp luật. Vì vậy, Tổng cục Thống kê sẽ phải xây dựng để trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành.

b. Chế độ báo cáo được ban hành theo ngành hoặc lĩnh vực, như:

- Về xây dựng cơ bản áp dụng cho các Bộ, ngành trung ương;
- Về vật tư, kỹ thuật áp dụng cho các Bộ ngành;
- Về thương nghiệp, thu mua và ăn uống công cộng áp dụng đối với Bộ, ngành có quản lý kinh doanh thương nghiệp;
- Về lao động, tiền lương, đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, công nhân kỹ thuật áp dụng đối với Bộ, ngành và đoàn thể Trung ương;
- Về văn hoá áp dụng đối với Bộ Văn hoá;

- Về giáo dục áp dụng đối với Bộ Giáo dục - Đào tạo;
- Về y tế áp dụng đối với Bộ Y tế;
- Về bưu điện áp dụng đối với Tổng cục Bưu điện;
- Về giao thông vận tải áp dụng đối với Bộ Giao thông vận tải;
- Về công nghiệp áp dụng cho các Bộ, ngành có quản lý công nghiệp;
- Về vốn đầu tư xây lắp, khảo sát thiết kế qui hoạch xây dựng áp dụng đối với Bộ, ngành và các tổng công ty có hạch toán toàn ngành;
- Về dân số, đời sống văn xã áp dụng đối với bộ, UBND và các cơ quan Trung ương khác.

Hiện nay, việc thu thập thông tin sẽ theo hướng: Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh từ doanh nghiệp, cơ sở kinh tế, các chỉ tiêu liên quan đến hộ gia đình sẽ thu từ kênh ngành dọc; các chỉ tiêu thuộc hồ sơ hành chính thì thu thập qua kênh Bộ, ngành và cơ bản là thực hiện theo một kênh: một chỉ tiêu không thu thập từ 2 kênh.

c. Mỗi một lĩnh vực giao cho nhiều bộ, ngành thu thập còn Tổng cục Thống kê tổng hợp chung. Nay một lĩnh vực giao cho một bộ, ngành có chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực đó thu thập tổng hợp, còn các đơn vị thuộc bộ, ngành khác phải gửi báo cáo về bộ, ngành quản lý nhà nước về lĩnh vực đó. Chẳng hạn:

- Về tiền tệ tín dụng chỉ giao cho Ngân hàng nhà nước thu thập tổng hợp. Các tổ chức tín dụng nếu thuộc các bộ, ngành khác quản lý cũng phải gửi báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước thu thập, tổng hợp gửi báo cáo cho Tổng cục Thống kê.

- Về giáo dục, đào tạo ( trừ dạy nghề giao cho Tổng cục dạy nghề của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) giao cho Bộ Giáo dục - Đào tạo thu thập, tổng hợp. Tất cả các trường thuộc các bộ ngành khác hoặc thuộc địa phương quản lý cả công lập, ngoài công lập hoặc của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đều phải gửi báo cáo cho Bộ Giáo dục - Đào tạo để Bộ tổng hợp phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục đào tạo của Bộ và gửi báo cáo cho Tổng cục Thống kê để tổng hợp chung.

- Về y tế chỉ giao cho Bộ Y tế thu thập, tổng hợp. Các cơ sở y tế do các Bộ, ngành khác hoặc do các địa phương quản lý, kể cả công lập, ngoài công lập đều phải gửi báo cáo cho Bộ Y tế tổng hợp phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước về y tế của Bộ Y tế và báo cáo Tổng cục Thống kê theo chế độ báo cáo thống kê tổng hợp do Thủ tướng Chính phủ ban hành áp dụng đối với Bộ Y tế

Khi ban hành về lĩnh vực cho các Bộ, ngành thì đồng thời phải tính đến cả các loại hình kinh tế của các lĩnh vực đó, tức là bao gồm cả loại hình kinh tế nhà nước, ngoài nhà nước, đầu tư nước ngoài.

## PHẦN THỨ HAI

### **CƠ SỞ LÝ LUẬN, CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ NHỮNG NGUYÊN TẮC CƠ BẢN KHI HOÀN THIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ TỔNG HỢP ÁP DỤNG ĐỐI VỚI BỘ, NGÀNH**

Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với bộ, ngành là một văn bản quy phạm pháp luật, nhằm thu thập thông tin thống kê qua kênh bộ, ngành, nhằm phục vụ cho việc đánh giá tình hình kinh tế - xã hội đã phân công cho các bộ, ngành quản lý, phù hợp với chức năng quản lý nhà nước của bộ, ngành.

Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp bao gồm các qui định về đối tượng thực hiện, phạm vi, nội dung báo cáo, kỳ hạn, thời hạn thực hiện, nơi nhận báo cáo do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để tổng hợp thông tin thống kê từ các báo cáo thống kê cơ sở, báo cáo tài chính, kết quả các cuộc điều tra thống kê và các nguồn thông tin khác.

Việc nghiên cứu xây dựng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với bộ, ngành phải dựa trên cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý.

#### **I. CƠ SỞ LÝ LUẬN**

Thống kê phải phản ánh mặt lượng trong mối quan hệ mật thiết với mặt chất của hiện tượng số lớn trong điều kiện không gian và thời gian cụ thể.

Như vậy, thống kê không phải là một con số đơn lẻ của các đơn vị cá biệt. Thống kê phải thông qua tổng hợp mới phản ánh được bản chất và tính qui luật của hiện tượng.

Con số thống kê của một đơn vị cơ sở, một xã phường, một địa phương sẽ không thể phản ánh được nhiều vấn đề của cả nước, nếu không được tổng hợp trên phạm vi cả nước.

Thậm chí có những cuộc điều tra được chọn trên phạm vi cả nước, việc lựa chọn điểm điều tra có thể không cần thiết phải rơi vào tất cả các địa phương. Khi đó kết quả điều tra có thể chỉ đúng với cả nước, không đúng với địa phương.

Mặt khác, chỉ tiêu thống kê nếu xét riêng rẽ, không được liên kết thành hệ thống thì việc phân tích sẽ rất hạn chế. Chẳng hạn, về thu ngân sách, nếu chỉ có tổng thu thì mới chỉ nói lên được kết quả thực hiện kết hoạch thu..., nếu không so với GDP thì không thể thấy được hiệu quả của hiệu quả cao hay thấp, tỷ lệ động viên là cao hay thấp. Nếu chỉ có chỉ tiêu về trường, lớp, học sinh... mà không gắn với dân số, không gắn với tài chính thì phân tích về giáo dục sẽ không thể đầy đủ, sâu sắc.

Có thể dẫn ra đây rất nhiều ví dụ để chứng minh nếu số liệu của các ngành chỉ để ở các ngành mà không được tổng hợp chung cả nước và không được đặt cạnh với các số liệu của các ngành khác thành một hệ thống thì không thể phân tích đầy đủ và sâu sắc toàn bộ nền kinh tế - xã hội - môi trường của đất nước.

#### **II. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các bộ, ngành là một loại văn bản quy phạm pháp luật. Điều đó có nghĩa là khi xây dựng chế độ báo



cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành phải căn cứ vào hai cơ sở pháp lý sau đây:

- Việc xây dựng và ban hành phải tuân theo qui định của Luật Thống kê
- Việc xây dựng và ban hành phải tuân theo qui định của Luật ban hành văn bản qui phạm pháp luật.

*1. Tuân theo qui định của Luật thống kê*

Theo Luật Thống kê, việc xây dựng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp nói chung và chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các Bộ, ngành phải tuân theo các qui định như sau:

*a. Những nội dung phải qui định trong chế độ báo cáo thống kê tổng hợp, bao gồm các qui định về:*

- Đối tượng thực hiện
- Phạm vi thực hiện
- Nội dung báo cáo
- Kỳ hạn và thời hạn thực hiện
- Nơi nhận báo cáo
- Cơ sở để tổng hợp là tổng hợp thông tin từ báo cáo thống kê cơ sở, báo cáo tài chính, kết quả cá cuộc điều tra thống kê và các nguồn thông tin khác.

*b. Thẩm quyền ban hành và đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp được qui định như sau:*

- Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp do Tổng cục Thống kê xây dựng, trình để áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách sau khi có sự thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê.

- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ban hành chế độ báo cáo thống kê áp dụng riêng đối với các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân để phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng sau khi có sự thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê.

- Cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ký ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh về những chỉ tiêu thống kê thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách sau khi có sự thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê.

- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với hệ thống Tòa án, Viện kiểm sát sau khi có sự thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê.

*c. Cơ quan thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp có quyền và nghĩa vụ sau đây:*

- Không được từ chối hay cản trở việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

- Tổ chức thu thập, tổng hợp số liệu, lập và nộp báo cáo theo quy định của chế độ báo cáo thống kê tổng hợp;

- Lập báo cáo thống kê tổng hợp trung thực, chính xác, đầy đủ trên cơ sở số liệu của các cuộc điều tra thống kê, báo cáo tài chính, báo cáo thống kê cơ sở và các nguồn thông tin khác; tính toán, tổng hợp các chỉ tiêu đúng nội dung và phương pháp theo quy định của chế độ báo cáo thống kê tổng hợp;

- Khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó vi phạm quy định của pháp luật về chế độ báo cáo thống kê tổng hợp.

## ***2. Tuân theo qui định của Luật ban hành văn bản qui phạm pháp luật***

Nét mới được sửa đổi trong việc ban hành các văn bản qui phạm pháp luật là Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc Chính phủ không được ban hành các văn bản qui phạm pháp luật. Những lĩnh vực do cơ quan trực thuộc Chính phủ phụ trách sẽ do Bộ trưởng phụ trách lĩnh vực đó ban hành.

Đối với các văn bản qui phạm pháp luật về thống kê, trong đó có chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với bộ, ngành đã được Luật Thống kê qui định là Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Có hai vấn đề được đặt ra, đó là:

a. Tâm pháp lý của văn bản được nâng lên, là cho chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với bộ, ngành có hiệu lực thi hành cao hơn với trước kia (Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định, Tổng cục Thống kê thể chế hoá biểu mẫu và giải thích biểu mẫu).

Tuy nhiên, cũng do tâm pháp lý cao hơn mà thủ tục ban hành cũng phải qua nhiều bước. Các bước cụ thể như sau:

- Tổng cục Thống kê căn cứ vào hệ thống chỉ tiêu quốc gia để dự thảo chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành;

- Trưng cầu dự thảo đối với các Bộ, ngành;

- Hoàn thiện dự thảo, lập tờ trình Thủ tướng Chính phủ ( có ý kiến của các Bộ, ngành;

- Xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp;

- Trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành;

- Tổ chức hội nghị hướng dẫn cụ thể.

b. Việc ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành theo phương án nào?

- Hoặc là Thủ tướng Chính phủ quyết định cho mỗi Bộ, ngành một chế độ báo cáo riêng. Ưu điểm của cách này là cụ thể và phù hợp với từng bộ, ngành,

khi cần sửa đổi, bổ sung một ngành, lĩnh vực nào đó sẽ không phải "dỡ" tất cả để sửa đổi, bổ sung. Nhưng có hạn chế là Tổng cục Thống kê sẽ phải trình nhiều lần, Bộ Tư pháp phải thẩm định nhiều lần và Thủ tướng Chính phủ phải ký nhiều quyết định.

- Hoặc là Thủ tướng Chính phủ có quyết định ban hành chung cho các Bộ, ngành ( Thủ tướng Chính phủ ký một quyết định, còn biểu mẫu cho mỗi Bộ, ngành sẽ được ban hành kèm theo). Dự kiến sẽ áp dụng phương án 2.

### III. NHỮNG NGUYÊN TẮC CƠ BẢN

Việc nghiên cứu hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với bộ, ngành phải tuân theo những nguyên tắc nhất định, trong đó có những nguyên tắc cơ bản sau đây:

1. *Nguyên tắc thứ nhất:* phải bao hàm được những chỉ tiêu thống kê quốc gia có liên quan đến ngành, lĩnh vực mà bộ, ngành đó được giao trách nhiệm quản lý (gọi tắt là nguyên tắc đáp ứng yêu cầu)

2. *Nguyên tắc thứ hai:* bảo đảm tính khả thi trong thực tế

3. *Nguyên tắc thứ ba:* bảo đảm tính thống nhất

4. *Nguyên tắc thứ tư:* không trùng lặp

Sau đây là những nội dung cụ thể của từng nguyên tắc

#### 1. Đáp ứng yêu cầu

Yêu cầu đối với hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia nói chung và đối với việc nghiên cứu hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành nói riêng là: bảo đảm thông tin thống kê trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời phục vụ các cơ quan nhà nước trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân khác.

Yêu cầu thông tin đối với Bộ, ngành, lĩnh vực mà Bộ, ngành được giao trách nhiệm quản lý có khá nhiều. Nhưng việc ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành phải bao hàm được những chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia có liên quan đến ngành, lĩnh vực mà Bộ, ngành đó được giao trách nhiệm quản lý.

Nguyên tắc này bao gồm 3 nội dung chính sau đây:

Một là, chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành phải bao hàm những chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia mà Bộ, ngành được phân công trực tiếp thu thập tổng hợp.

Hai là, chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành còn bao hàm, những chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia tuy nhiên Tổng cục Thống kê hoặc các Bộ, ngành khác trực tiếp thu thập, nhưng còn phải được chủ trì tổng hợp từ báo cáo của các Bộ, ngành khác. Những chỉ tiêu này thường là những chỉ tiêu mà các Bộ, ngành này có các lĩnh vực cũng được giao trực tiếp quản lý

Ba là, ngoài một số nội dung trực tiếp và nội dung chủ trì như đã nêu ở trên, chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành còn bao gồm các chỉ tiêu tuy giao cho Bộ, ngành khác chủ trì, nhưng Bộ, ngành này phải phối hợp với Bộ, ngành chủ trì. Theo nội dung này, các Bộ, ngành phối hợp phải cung cấp thông tin cho các Bộ, ngành chủ trì để tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

## 2. Đảm bảo tính khả thi

Việc nghiên cứu hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành một mặt phải đáp ứng được yêu cầu như nguyên tắc thứ nhất, mặt khác còn phải đáp ứng yêu cầu bảo đảm tính khả thi.

Tính khả thi được thể hiện ở các mặt: có thể thực hiện được trong thực tế, phù hợp với trình độ hạch toán của doanh nghiệp, ghi chép kê khai, cung cấp các hộ gia đình cá nhân, giảm gánh nặng cho người cung cấp thông tin, tiết kiệm được chi phí và tăng hiệu quả của hoạt động thống kê.

Tính khả thi được thể hiện không chỉ ở tên chỉ tiêu mà còn ở phân tổ chính, kỳ cung cấp và phân công thu thập.

### a. Về tên chỉ tiêu:

- Những chỉ tiêu liên quan đến năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh;

- Những chỉ tiêu không chỉ thu thập qua việc tổng hợp từ hồ sơ hành chính, từ việc ghi chép ban đầu, sổ tổng hợp trung gian, báo cáo từ cơ sở lên mà còn phải tiến hành điều tra ( hoặc là toàn bộ, hoặc chọn mẫu) khá tốn kém về kinh phí, về thời gian và công sức, lại đòi hỏi phải có kinh nghiệm phỏng vấn, tổng hợp, suy rộng...

- Những chỉ tiêu đòi hỏi phải có sự thống nhất cao về khái niệm, nội dung, phương pháp tính, nguồn số liệu...

### b. Về phân tổ chính:

Phân tổ có vai trò rất quan trọng để đáp ứng yêu cầu quản lý sâu hơn, chi tiết hơn nhằm đề ra các chính sách giải pháp cụ thể. Đối với thống kê, việc phân tổ còn có ý nghĩa để phục vụ cho việc phân tích.

Tuy nhiên, muốn có đủ thông tin để phân tổ không đơn giản chút nào, bởi hoặc là phải bổ sung vào biểu mẫu báo cáo, phiếu điều tra những chi tiết, hoặc phải tổ chức các cuộc điều tra khá tốn kém để phục vụ cho việc phân tổ này.

### c. Về kỳ cung cấp:

Theo yêu cầu đối với thông tin thì kỳ hạn càng ngắn càng tốt. Tuy nhiên, kỳ hạn thu thập càng ngắn thì càng khó khăn, tốn kém gấp bội, nhất là những chỉ tiêu phải tiến hành điều tra. Vì vậy, việc xác định kỳ hạn cung cấp trong chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành cũng cần phải cân nhắc đến tính khả thi.

### d. Về phân công thu thập:

Đây cũng là vấn đề có liên quan đến tính khả thi, bởi việc phân công cho các Bộ, ngành nào, ngoài việc căn cứ vào ngành, lĩnh vực phù hợp, còn phải căn cứ vào khả năng về nguồn lực, về kinh nghiệm thu thập tổng hợp của Bộ, ngành đó.

### 3. Bảo đảm tính thống nhất

Bảo đảm tính thống nhất là một trong những nguyên tắc cơ bản của hoạt động thống kê nói chung và của chế độ báo cáo thống kê tổng hợp nói riêng. Nguyên tắc này xuất phát từ số liệu thống kê sẽ thật sự chỉ có ý nghĩa khi thông qua so sánh về thời gian và không gian.

Bảo đảm tính thống nhất về các mặt: Chỉ tiêu, biểu mẫu, phương pháp tính, bảng phân loại, đơn vị đo lường, niên độ thống kê và bảo đảm tính so sánh quốc tế.

#### a. Thống nhất về chỉ tiêu

Thống nhất về chỉ tiêu bao gồm thống nhất về:

- Tên chỉ tiêu
- Khái niệm chỉ tiêu
- Nội dung chỉ tiêu

#### b. Thống nhất về biểu mẫu

Việc thiết kế về biểu mẫu ( cũng như mã số cột, dòng tương ứng) phải đảm bảo để có thể sử dụng được công nghệ thông tin hiện đại vào hoạt động xử lý, tổng hợp.

#### c. Thống nhất về phương pháp tính

Đây là một trong những nội dung có tầm quan trọng hàng đầu của nguyên tắc thống nhất, bởi cùng một chỉ tiêu mà mỗi nơi, mỗi thời gian áp dụng các phương pháp tính khác nhau thì số liệu thống kê sẽ không thống nhất được, không so sánh được và số liệu thống kê trở thành trò chơi con số.

#### d. Thống nhất về các bảng phân loại thống kê

Hiện nay có tình trạng Thủ tướng Chính phủ hoặc Tổng cục Thống kê đã ban hành các bảng phân loại thống kê, song các cấp, các ngành thường không thực hiện hoặc vận dụng khác nhau theo cách riêng của mình, làm cho việc xử lý, tổng hợp, phân tích, công bố rất khác nhau.

Nguyên nhân của tình hình trên là do chế độ báo cáo thống kê tổng hợp đã lâu không được ban hành và các bảng phân loại này lại không được gắn với chế độ báo cáo thống kê đó.

Để thống nhất về bảng phân loại thống kê, cần khẩn trương nghiên cứu, hoàn thiện các bảng phân loại thống kê và khi xây dựng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp cần lồng ghép để có hiệu lực thi hành.

Các bảng phân loại thống kê cần khẩn trương hoàn thiện là:

- Bảng phân ngành kinh tế quốc dân;
- Bảng danh mục sản phẩm chủ yếu;

- Bảng danh mục nghề nghiệp;
- Bảng danh mục giáo dục, đào tạo;
- Một số bảng phân loại thống kê khác áp dụng chung cho nhiều ngành, lĩnh vực.

#### e. Thống nhất đơn vị đo lường

Thống nhất về đơn vị đo lường là một nội dung quan trọng của nguyên tắc thống nhất. Trong các đơn vị đo lường cần đặc biệt quan tâm đến các đơn vị tiền tệ như tỷ giá hối đoái và tỷ giá sức mua tương đương, đơn vị tính thời gian.

#### f. Thống nhất niên độ thống kê

Niên độ thống kê cũng là một nội dung quan trọng của nguyên tắc thống nhất để đảm bảo tính thống nhất. Trong các "niên độ thống kê" cần quan tâm là niên độ khi tính các chỉ tiêu liên quan đến nông, lâm nghiệp - thủy sản, ngành giáo dục - đào tạo, các chỉ tiêu về tội phạm.

#### 4. Không trùng lặp

Đây là nguyên tắc quan trọng để đảm bảo sự thống nhất về số liệu, bảo đảm nâng cao hiệu quả của hoạt động thống kê, giảm chi phí, giảm gánh nặng cho người trả lời.

Để thực hiện được nguyên tắc này, ngoài việc thống nhất trong việc xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, chương trình điều tra thống kê quốc gia..., còn phải tránh sự trùng lặp, chồng chéo trong việc thu thập, nghiên cứu hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp. Cụ thể:

- Không trùng lặp, chồng chéo giữa 2 kênh thông tin bộ ngành và thông tin thuộc hệ thống tổ chức thống kê tập trung
- Bảo đảm không trùng lặp nhưng phải thống nhất giữa 2 kênh

## PHẦN THỨ BA

### YÊU CẦU THÔNG TIN ĐỐI VỚI TỪNG BỘ, NGÀNH

Một trong những yêu cầu của việc xây dựng và ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với bộ, ngành là xác định yêu cầu thông tin của Đảng và Nhà nước, của xã hội đối với Bộ, ngành đó.

#### I. BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

##### A. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Số dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) được cấp giấy phép. Phân theo hiện trạng, ngành kinh tế, đối tác, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp tháng, quý, năm

2. Số vốn FDI . Phân theo hiện trạng, ngành kinh tế, đối tác, hình thức, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp tháng, quý, năm

3. Số dự án, số vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài. Phân theo ngành kinh tế. Kỳ cung cấp 6 tháng, năm

4. Số vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cam kết, ký kết. Phân theo ngành kinh tế, viện trợ/cho vay. Kỳ cung cấp: năm

5. Số vốn ODA giải ngân thực hiện. Phân theo ngành kinh tế, viện trợ/cho vay. Kỳ cung cấp năm

#### II. BỘ TÀI CHÍNH

##### A. Yêu cầu thông tin đối với Bộ Tài chính

1. Tài sản cố định của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp nhà nước. Phân theo Cấp quản lý, ngành kinh tế, loại tài sản. Kỳ cung cấp: năm

2. Thu ngân sách nhà nước. Phân theo khoản mục thu, cấp ngân sách (trung ương, địa phương), ngành kinh tế, loại hình kinh tế

3. Chi ngân sách nhà nước. Phân theo khoản mục chi, ngành kinh tế, cấp ngân sách (trung ương/địa phương)

4. Bội chi ngân sách. Kỳ cung cấp: tháng, quý, năm

5. Nguồn bù đắp bội chi ngân sách nhà nước. Phân theo vay trong nước/nước ngoài/phát hành. Kỳ cung cấp: Tháng, quý, năm

6. Thu, chi ngân sách nhà nước theo quyết toán. Phân theo khoản mục thu, chi, ngành ktế, cấp ngân sách, đơn vị quản lý (bộ, tỉnh). Kỳ cung cấp: năm

7. Nợ nước ngoài so với GDP. Phân theo dài hạn/ngắn hạn. Kỳ cung cấp: năm

8. Chênh lệch tồn kho dự trữ quốc gia. Phân theo nhóm hàng. Kỳ cung cấp: năm

9. Giá trị giao dịch trên thị trường chứng khoán. Phân theo loại cổ phiếu, loại thị trường. Kỳ cung cấp: Tháng, quý, năm

10. Giá trị giao dịch khớp lệnh trên thị trường chứng khoán. Phân theo loại cổ phiếu, loại thị trường. Kỳ cung cấp: Tháng, quý, năm

11. Chỉ số chứng khoán VN-Index

12. Giá trị hàng hoá xuất khẩu. Phân theo - Danh mục HS, loại hình kinh tế. Kỳ cung cấp: Tháng, quý, năm. Phân theo danh mục HS, loại hình kinh tế, nước/vùng lãnh thổ, khối nước hàng đến, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: Quý, năm

13. Giá trị hàng hoá nhập khẩu. Phân theo danh mục HS, loại hình kinh tế. Kỳ cung cấp: Tháng, quý, năm. Phân theo danh mục HS, loại hình kinh tế, nước/vùng lãnh thổ, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: Quý, năm

14. Lượng và giá trị mặt hàng xuất khẩu. Phân theo mặt hàng chủ yếu. Kỳ cung cấp: Tháng, quý, năm; Phân theo danh mục HS, nước/ vùng lãnh thổ hàng đến, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: Quý, năm

15. Lượng và giá trị mặt hàng nhập khẩu. Phân theo mặt hàng chủ yếu. Kỳ cung cấp: Tháng, quý, năm; Phân theo danh mục HS, nước/ vùng lãnh thổ hàng đến, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: Quý, năm

### **III. NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

#### **A. Yêu cầu thông tin đối với Ngân hàng Nhà nước**

1. Cân đối tiền tệ của ngân hàng nhà nước. Phân theo khoản mục chủ yếu, toàn ngành và tổ chức tín dụng. Kỳ cung cấp: quý, năm

2. Tốc độ tăng M2. Kỳ cung cấp: quý, 6 tháng, năm

3. Nguồn vốn và sử dụng vốn của các tổ chức tín dụng. Phân theo khoản mục. Kỳ cung cấp: quý, năm

4. Tiền gửi so với GDP. Kỳ cung cấp: quý, 6 tháng, năm

5. Dự nợ tín dụng so với GDP. Kỳ cung cấp: quý, 6 tháng, năm

6. Lãi suất bình quân huy động và cho vay của các tổ chức tín dụng, lãi suất cơ bản, lãi suất tái cấp vốn. Phân theo kỳ hạn. Kỳ cung cấp: tháng, quý, năm

7. Lợi nhuận so với vốn tự có, so với tài sản có. Kỳ cung cấp: năm

8. Tỷ giá hối đoái bình quân. Phân theo loại ngoại tệ, của NHNN công bố; của thị trường liên ngành ngân hàng và của thị trường tự do. Phân theo kỳ hạn. Kỳ cung cấp: tháng, quý, năm

9. Doanh số cho vay, thu nợ, dự nợ của các tổ chức tín dụng, nợ khó đòi. Phân theo ngành kinh tế và loại hình kinh tế, ngắn hạn/trung hạn/dài hạn. Kỳ cung cấp: quý, năm

10. Cán cân thanh toán quốc tế. Phân theo khoản mục. Kỳ cung cấp: quý, năm

11. Dự trữ quốc tế. Kỳ cung cấp: quý, năm

### **IV. BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

#### **A. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Dân số hoạt động kinh tế. Phân theo giới tính, thành thị/nông thôn, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm



2. Dân số không hoạt động kinh tế. Phân theo giới tính, thành thị/nông thôn, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
3. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo. Phân theo giới tính, trình độ chuyên môn, vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
4. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị. Phân theo giới tính, nhóm tuổi, cấp trình độ, theo thời gian thất nghiệp, vùng kinh tế. Kỳ cung cấp: quý, năm
5. Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn. Phân theo giới tính, làm cho khu vực nông, lâm nghiệp - thủy sản và các khu vực khác, vùng kinh tế. Kỳ cung cấp: năm
6. Số lao động được giải quyết việc làm mới. Phân theo giới tính, ngành kinh tế, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: 6 tháng, năm; riêng giới tính, ngành kinh tế, tỉnh/thành phố
7. Số lao động xuất khẩu. Phân theo giới tính, nghề nghiệp, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: 6 tháng, năm
8. Số cơ sở dạy nghề. Phân theo loại hình, cấp quản lý, loại cơ sở, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
9. Số giáo viên dạy nghề. Phân theo loại hình, cấp quản lý, loại cơ sở, giới tính, dân tộc, dài hạn/ngắn hạn, trình độ, học hàm, học vị, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
10. Số học sinh đang học tuyển mới, tốt nghiệp các cơ sở dạy nghề. Phân theo loại hình, cấp quản lý, loại cơ sở, giới tính, dân tộc, dài hạn/ngắn hạn, nghề đào tạo, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

## **V. BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO**

### **A. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo**

1. Số trường, lớp, phòng học giáo viên, học sinh giáo dục mầm non. Phân theo loại hình, nhà trẻ/mẫu giáo/mầm non, tỉnh/thành phố, giáo viên, học sinh phân tổ thêm giới tính, dân tộc, nhóm tuổi. Kỳ cung cấp: khai giảng
2. Số trường, số lớp, số phòng học phổ thông. Phân theo loại hình, cấp trường, cấp học, tỉnh/thành phố, phòng học phân tổ thêm kiên cố/bán kiên cố. Kỳ cung cấp: khai giảng
3. Số giáo viên ở các trường phổ thông. Phân theo loại hình, cấp trường, cấp học, giới tính, dân tộc, nhóm tuổi, giáo viên chuẩn, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: khai giảng
4. Số học sinh phổ thông. Phân theo loại hình, cấp trường, cấp học, giới tính, dân tộc, nhóm tuổi, học sinh tiểu học 2 buổi, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: khai giảng
5. Số trường đạt chuẩn quốc gia. Phân theo cấp học, bậc học, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
6. Số cơ sở giáo dục không chính quy. Phân theo phương thức giáo dục, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: giữa năm học

7. Số giáo viên, số học sinh của các cơ sở giáo dục không chính qui. Phân theo phương thức giáo dục, giới tính, dân tộc, nhóm tuổi, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: giữa năm học.

8. Tỷ lệ đi học chung, tỷ lệ đi học đúng tuổi. Phân theo cấp học, giới tính, dân tộc, vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: giữa năm học

9. Tỷ lệ học sinh lưu ban, tỷ lệ học sinh bỏ học. Phân theo cấp học, giới tính, vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: khai giảng

10. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp. Phân theo cấp học, giới tính, vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: cuối năm học

11. Tỷ lệ học sinh chuyển cấp/hoàn thành cấp học. Phân theo cấp học, giới tính, vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: khai giảng

12. Tỷ số học sinh trên giáo viên, tỷ số học sinh trên lớp, tỷ số giáo viên trên lớp. Phân theo cấp học, vùng, tỉnh, thành phố. Kỳ cung cấp: khai giảng

13. Số tỉnh/thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục. Phân theo cấp học, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: quý, năm

14. Số trường trung học chuyên nghiệp. Phân theo loại hình, cấp quản lý, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

15. Số giáo viên trung học chuyên nghiệp. Phân theo loại hình, cấp quản lý, giới tính, dân tộc, hình thức đào tạo, trình độ, học hàm, học vị, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

16. Số trường cao đẳng. Phân theo loại hình, cấp quản lý, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

17. Số giảng viên các trường cao đẳng. Phân theo loại hình, cấp quản lý, giới tính, dân tộc, hình thức đào tạo, trình độ, học hàm, học vị, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

18. Số sinh viên đang học và tuyển mới, tốt nghiệp cao đẳng. Phân theo loại hình, cấp quản lý, giới tính, dân tộc, hình thức đào tạo, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

19. Số trường đại học. Phân theo loại hình, cấp quản lý, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

20. Số giáo viên các trường đại học. Phân theo loại hình, cấp quản lý, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

21. Số giảng viên các trường đại học. Phân theo loại hình, cấp quản lý, giới tính, dân tộc, hình thức đào tạo, cấp đào tạo, trình độ, học hàm, học vị, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

22. Số sinh viên đang học và tuyển mới, tốt nghiệp đại học. Phân theo loại hình, cấp quản lý, giới tính, dân tộc, hình thức đào tạo, cấp đào tạo, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

23. Đào tạo sau đại học. Phân theo cấp trình độ. Kỳ cung cấp: năm

24. Tỷ lệ nữ có học hàm, học vị. Phân theo loại học hàm, học vị. Kỳ cung cấp: năm

25. Chi cho hoạt động sự nghiệp GD - ĐT. Phân theo nguồn, cấp học. Kỳ cung cấp: năm

## **VI. BỘ VĂN HOÁ**

### **A. Nhu cầu thông tin thống kê đối với Bộ Văn hoá**

1. Số sách báo, tạp chí, văn hoá phẩm xuất bản. Phân theo Loại ấn phẩm, cấp quản lý, loại hình. Kỳ cung cấp: năm

2. Số phim nhựa và phim Video sản xuất, xuất, nhập khẩu. Phân theo loại phim, loại hình ( nhà nước đặt hàng/tư nhân). Kỳ cung cấp: năm

3. Số thư viện công cộng và số sách trong thư viện. Phân theo loại thư viện, cấp quản lý, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

4. Số đơn vị chiếu bóng. Phân theo tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

5. Số rạp chiếu bóng. Phân theo tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

6. Số đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp. Phân theo cấp quản lý, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

7. Số rạp hát. Phân theo cấp quản lý, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

8. Số nhà bảo tàng. Phân theo cấp quản lý, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

9. Số di tích được xếp hạng. Phân theo loại di tích, cấp quản lý, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

10. Tỷ lệ xã/phường/thị trấn có nhà văn hóa. Phân theo vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

11. Tỷ lệ hộ gia đình, làng/xóm/khu phố đạt tiêu chuẩn văn hoá quốc gia. Phân theo vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

12. Chi cho văn hoá thông tin. Phân theo nguồn, khoản chi. Kỳ cung cấp: năm

13. Tỷ lệ hộ được nghe đài tiếng nói Việt Nam, tỷ lệ hộ được xem đài truyền hình. Phân theo vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

## **VII. ỦY BAN THỂ DỤC THỂ THAO**

### **A. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Ủy ban Thể dục Thể thao**

1. Số công trình luyện tập và thi đấu TDTT. Phân theo loại công trình, tiêu chuẩn, loại hình, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

2. Số cán bộ thể dục thể thao. Phân theo ngành quản lý, trình độ chuyên môn, giới tính, dân tộc, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

3. Số vận động viên đạt đẳng cấp cao. Phân theo môn, đẳng cấp, giới tính, dân tộc, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

4. Số huy chương đạt được trong các kỳ thi đấu quốc tế. Phân theo loại huy chương, môn, tập thể/cá nhân, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

5. Tỷ lệ người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên. Phân theo vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

## VIII. BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

### A. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Diện tích đất. Phân theo loại đất, hiện trạng sử dụng đất, nguyên nhân biến động, tỉnh/ thành phố. Kỳ cung cấp: năm

2. Số giờ nắng các tháng trong năm. Phân theo tháng, trạm quan sát. Kỳ cung cấp: năm

3. Lượng mưa các tháng trong năm. Phân theo tháng, trạm quan sát. Kỳ cung cấp: năm

4. Độ ẩm không khí trung bình các tháng trong năm. Phân theo tháng, trạm quan sát. Kỳ cung cấp: năm

5. Nhiệt độ không khí trung bình các tháng trong năm. Phân theo tháng, trạm quan sát. Kỳ cung cấp: năm

6. Mức nước và lưu lượng một số sông chính trong năm. Phân theo sông chính (trạm). Kỳ cung cấp: năm

7. Tỷ lệ che phủ rừng. Phân theo vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

8. Tỷ lệ diện tích rừng đặc dụng được bảo tồn. Phân theo vùng. Kỳ cung cấp: năm

9. Tỷ lệ diện tích đất được bảo vệ, duy trì đa dạng sinh học. Phân theo vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

10. Hàm lượng độc hại trong không khí. Phân theo trạm đo. Kỳ cung cấp: năm

11. Tỷ lệ diện tích mặt nước sông, hồ bị ô nhiễm. Phân theo trạm đo. Kỳ cung cấp: năm

12. Tỷ lệ khối lượng nước thải đã xử lý, tỷ lệ khối lượng nước thải chưa xử lý. Phân theo loại nước thải, vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

13. Tỷ lệ chất thải khí đã xử lý. Kỳ cung cấp: năm

14. Số vụ gây tràn dầu và rò rỉ hoá chất trên biển - diện tích bị ảnh hưởng. Phân theo vùng biển, hình thức. Kỳ cung cấp: năm

15. Tỷ lệ khối lượng chất thải rắn đã xử lý, tỷ lệ khối lượng chất thải rắn chưa xử lý. Kỳ cung cấp: năm

16. Cường độ tiếng ồn tại khu công nghiệp, khu tập trung dân cư. Phân theo trạm đo. Kỳ cung cấp: năm

17. Tỷ lệ hộ gia đình được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có cả tên vợ và tên chồng. Phân theo vùng, thành thị/nông thôn, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

18. Thu chi cho bảo vệ môi trường. Phân theo nguồn. Kỳ cung cấp: năm

## **IX. BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG**

### A. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Bộ Bưu chính, Viễn thông

1. Sản lượng sản phẩm bưu chính viễn thông chủ yếu. Phân theo loại sản phẩm. Kỳ cung cấp: tháng, quý, năm
2. Số thuê bao điện thoại. Phân theo cố định/di động, cố định phân theo thành thị/nông thôn, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: tháng, quý, năm
3. Số thuê bao Internet. Phân trực tiếp/gián tiếp. Kỳ cung cấp: tháng, quý, năm.
4. Số người sử dụng Internet. Kỳ cung cấp: tháng, quý, năm
5. Số đơn vị có website. Phân theo ngành kinh tế, loại hình kinh tế, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
6. Mạng lưới và thiết bị bưu chính viễn thông chủ yếu. Phân theo lĩnh vực bưu chính, viễn thông. Kỳ cung cấp: năm

## **X. BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

### A. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Bộ Khoa học công nghệ

1. Số đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ. Phân theo loại hình hoạt động, lĩnh vực khoa học. Kỳ cung cấp: năm
2. Số cán bộ làm công tác nghiên cứu và phát triển. Phân theo giới tính, loại cán bộ và trình độ. Kỳ cung cấp: năm
3. Số lao động trong các đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ. Phân theo giới tính, tuổi, lĩnh vực hoạt động, khối. Kỳ cung cấp: năm
4. Số đề tài nghiên cứu khoa học đưa vào thực hiện. Phân theo Cấp đề tài, lĩnh vực nghiên cứu. Kỳ cung cấp: năm
5. Chi đầu tư cho nghiên cứu khoa học công nghệ phân theo nguồn. Kỳ cung cấp: năm

## **XI. ỦY BAN DÂN SỐ GIA ĐÌNH VÀ TRẺ EM**

### A. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Ủy ban dân số gia đình và trẻ em

1. Tỷ lệ bà mẹ sinh con thứ 3 trở lên. Phân theo thành thị, nông thôn, tỉnh, thành phố. Kỳ cung cấp: năm
2. Tỷ lệ sử dụng các pháp tránh thai. Phân theo loại biện pháp, giới tính, nhóm tuổi, thành thị/nông thôn, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

## **XII. BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

### A. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn

1. Tỷ lệ chiều dài kênh mương được kiên cố hoá. Phân theo tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

2. Diện tích rừng hiện có. Phân theo Loại rừng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

3. Diện tích rừng được chăm sóc. Phân theo loại rừng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: 6 tháng, năm

4. Thiệt hại rừng ( diện tích, giá trị). Phân theo nguyên nhân, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: 6 tháng, năm

5. Công trình thủy lợi và năng lực tưới tiêu. Phân theo Loại công trình, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

6. Diện tích cây hàng năm được làm đất bằng máy. Phân theo loại cây chủ yếu, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

7. Diện tích cây hàng năm được tưới tiêu. Phân theo loại cây chủ yếu, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

8. Số lượng và công suất máy móc nông, lâm nghiệp – thủy sản chủ yếu. Phân theo loại máy móc, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

9. Số vụ thiên tai, mức độ thiệt hại. Phân theo loại thiên tai, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: tháng, năm

### **XIII. BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

#### A. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Bộ Giao thông vận tải

1. Chiều dài đường bộ, đường sắt. Phân theo loại đường, cấp quản lý, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

2. Số lượng, công suất thiết kế (năng lực) một số phương tiện vận tải chủ yếu. Phân theo ngành vận tải, loại phương tiện, loại hình kinh tế, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

3. số lượng và năng lực bốc xếp của cảng. Phân theo cảng biển, cảng sông, cảng hàng không, tỉnh/thành phố.

4. Khối lượng hàng hoá thông qua cảng. Phân theo cảng biển, cảng sông, cảng hàng không, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

### **XIV. BỘ Y TẾ**

#### A. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Bộ Y tế

1. Số cơ sở y tế, số giường bệnh, số cán bộ y tế. Phân theo Cấp quản lý, loại hình, loại cơ sở, tỉnh/thành phố, người làm công tác y tế phân tổ thêm giới tính, trình độ, dân tộc. Kỳ cung cấp: năm

2. Số giường bệnh, số cán bộ y tế tính trên 1 vạn dân. Phân theo vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

3. Tỷ lệ trạm y tế xã/phường/ thị trấn có bác sỹ. Phân theo Vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

4. Tỷ lệ trạm y tế xã/phường/ thị trấn có nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi. Phân theo Vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

5. Tỷ số mắc mùi bệnh cao nhất tính trên 100000 dân. Phân theo loại bệnh. Kỳ cung cấp: năm
6. Tỷ số chết mùi bệnh cao nhất tính trên 100000 dân. Phân theo loại bệnh. Kỳ cung cấp: năm
7. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng vắc xin. Phân theo đầy đủ 6 loại vắc xin, loại vắc xin, giới tính, vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
8. Số trẻ em dưới 15 tuổi mắc 6 loại bệnh được tiêm chủng vắc xin. Phân theo loại bệnh, giới tính. Kỳ cung cấp: năm
9. Số trẻ em dưới 15 tuổi chết do 6 loại bệnh được tiêm chủng vắc xin. Phân theo loại bệnh, giới tính. Kỳ cung cấp: năm
10. Tỷ lệ trẻ sơ sinh thiếu cân (dưới 2500gram). Phân theo Thành thị/nông thôn, giới tính, vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
11. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng. Phân theo mức độ suy dinh dưỡng, giới tính, dân tộc, tháng tuổi, vùng, thành thị/nông thôn, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
12. Tỷ lệ sản phụ được chăm sóc tại các cơ sở y tế. Phân theo vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
13. Số mắc, số chết các bệnh gây dịch. Phân theo Giới tính, nhóm tuổi, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
14. Số người nhiễm HIV, số chết vì AIDS. Phân theo giới tính, nhóm tuổi, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
15. Tổng nguồn vốn và sử dụng nguồn vốn cho hoạt động y tế (Tài khoản quốc gia y tế). Phân theo nguồn vốn và khoản sử dụng vốn. Kỳ cung cấp: năm

## **XV. BỘ THƯƠNG MẠI**

### A. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Bộ Thương Mại

1. Mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại. Phân theo loại chợ, loại hình kinh tế, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
2. Số đơn vị có giao dịch thương mại điện tử (e-commerce). Phân theo ngành kinh tế, loại hình kinh tế, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

## **XVI. ĐÀI TIẾNG NÓI VIỆT NAM**

### A. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Đài tiếng nói Việt Nam

1. Số giờ phát sóng phát thanh. Phân theo tiếng Kinh/dân tộc/nước ngoài, nội dung chương trình. Kỳ cung cấp: năm
2. Số giờ phát sóng truyền hình. Phân theo tiếng Kinh/dân tộc/nước ngoài, nội dung chương trình. Kỳ cung cấp: năm

## **XVII. BỘ CÔNG AN**

### A. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Bộ Công an

1. Số lượt khách quốc tế đến Việt Nam. Phân theo mục đích, quốc tịch, phương tiện. Kỳ cung cấp: tháng, quý, năm

2. Số lượt khách Việt Nam đi ra nước ngoài . Phân theo mục đích, phương tiện, nước đến. Kỳ cung cấp: tháng, quý, năm

3. Số người chuyển đi tỉnh khác. Phân theo giới tính, tuổi, thành thị/nông thôn, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

4. Số người tỉnh khác chuyển đến. Phân theo giới tính, tuổi, thành thị/nông thôn, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

5. Số trẻ em và phụ nữ bị bán ra nước ngoài. Phân theo nhóm tuổi, vùng, thành thị/nông thôn, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

6. Số vụ cháy nổ, mức độ thiệt hại. Phân theo loại cháy nổ, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: tháng, năm

## **XVIII. BỘ TƯ PHÁP**

### **A. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Bộ Tư pháp**

1. Số người kết hôn. Phân theo giới tính, tuổi, tình trạng trước khi kết hôn, thành thị/nông thôn, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

2. Số trẻ em sinh. Phân theo giới tính, tuổi người mẹ, thành thị/nông thôn, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

3. Số người chết. Phân theo giới tính, tuổi khi chết, thành thị/nông thôn, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

## **XIX. TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

### **A. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Toà án nhân dân tối cao**

1. Số người ly hôn. Phân theo giới tính, tuổi, thành thị/nông thôn, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

2. Số vụ, số người phạm tội đã kết án. Phân theo loại tội, số người phân tố thêm giới tính, nhóm tuổi, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

3. Tỷ lệ số vụ ngược đãi phụ nữ trong gia đình được xử lý so với số vụ đã phát hiện. Phân theo vùng, thành thị/nông thôn, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

## **XX. VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO**

### **A. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao**

1. Số vụ, số người phạm tội đã khởi tố. Phân theo loại tội, số người phân tố thêm giới tính, nhóm tuổi, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

## **XX. ỦY BAN AN TOÀN GIAO THÔNG QUỐC GIA**

### **A. Yêu cầu thông tin thống kê đối với UBATGTQG**

1. Số vụ, số người chết, số người bị thương do tai nạn giao thông. Phân theo loại phương tiện, nguyên nhân, đối tượng gây tai nạn, địa bàn xảy ra tai nạn. Kỳ cung cấp: tháng, năm

## **XXI. ỦY BAN THỂ DỤC THỂ THAO**

### **A. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Ủy ban thể dục thể thao**



1. Số công trình luyện tập và thi đấu TDTT. Phân theo loại công trình, tiêu chuẩn, loại hình, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
2. Số cán bộ thể dục thể thao. Phân theo ngành quản lý, trình độ chuyên môn, giới tính, dân tộc, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
3. Số vận động viên đẳng cấp cao. Phân theo môn, đẳng cấp, giới tính, dân tộc, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm
4. Số huy chương đạt được trong các kỳ thi quốc tế. Phân theo loại huy chương, môn, tập thể/cá nhân, tỉnh/thành phố; cá nhân chia theo giới tính. Kỳ cung cấp: năm
5. Tỷ lệ người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên. Phân theo vùng, tỉnh/thành phố. Kỳ cung cấp: năm

## **XXII. BỘ NỘI VỤ**

### **A. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Bộ Nội vụ**

1. Tỷ lệ nữ là đại biểu HĐND. Phân theo cấp, dân tộc, nhóm tuổi, trình độ học vấn. Kỳ cung cấp: đầu khoá
2. Tỷ lệ nữ đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo chính quyền, đảng, đoàn thể. Phân theo cấp, dân tộc, nhóm tuổi, trình độ học vấn. Kỳ cung cấp: năm

## **XXIII. VĂN PHÒNG QUỐC HỘI**

### **A. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Văn phòng Quốc hội**

1. Tỷ lệ nữ là đại biểu Quốc hội. Phân theo dân tộc, nhóm tuổi, trình độ học vấn. Kỳ cung cấp: đầu khoá

## **XXIII. VĂN PHÒNG TRUNG ƯƠNG ĐẢNG**

### **A. Yêu cầu thông tin thống kê đối với Văn phòng Trung ương Đảng**

1. Tỷ lệ nữ tham gia các cấp Ủy Đảng. Phân theo cấp uỷ, dân tộc, nhóm tuổi, trình độ học vấn. Kỳ cung cấp: đầu khoá

## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Luật Thống kê ban hành là văn bản pháp lý cao nhất cho hoạt động thống kê. Luật đã tạo điều kiện để Tổng cục Thống kê nâng cao vai trò điều phối của mình, thông qua việc trình Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, ban hành chương trình điều tra thống kê quốc gia, ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành...

Đối với các thông tin về sản xuất kinh doanh, thông tin từ hộ gia đình hiện nay và có thể còn khá lâu dài nữa thì chưa có Bộ, ngành nào có thể thay thế được Tổng cục Thống kê thu thập, tổng hợp từ ngành dọc của mình. Nhưng những thông tin tổng hợp từ hồ sơ hành chính thì phải thông qua kênh Bộ, ngành để thu thập, tổng hợp để nâng cao hiệu quả của hoạt động thống kê. Muốn thu thập nguồn thông tin từ kênh Bộ, ngành thì Tổng cục Thống kê phải xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành không chỉ giúp cho Tổng cục Thống kê có thông tin về các ngành, lĩnh vực do các Bộ, ngành được Chính phủ giao trách nhiệm quản lý nhà nước hình thành hệ thống thông tin của quốc gia, dần dần thay thế những thông tin đó mà Tổng cục Thống kê thường phải thông qua ngành dọc để thu thập, mà còn từ chế độ báo cáo thống kê này, các Bộ, ngành sẽ ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các sở, ngành ở cấp tỉnh, các phòng ban chuyên môn ở cấp huyện. Khi thẩm định chế độ báo cáo thống kê tổng hợp do các Bộ, ngành ban hành, Tổng cục Thống kê sẽ qui định những báo cáo nào có liên quan đến hệ thống chỉ tiêu quốc gia thì các phòng, ban chuyên môn ở cấp huyện phải đồng gửi cho phòng thống kê cấp huyện và các sở, ngành ở cấp tỉnh phải đồng gửi cho Cục Thống kê nhằm phục vụ lãnh đạo địa phương và để khắc phục tình trạng mà các Cục Thống kê thường phàn nàn là Tổng cục biến các Cục Thống kê thành người đi xin số liệu của các sở ngành.

Để đẩy nhanh việc nghiên cứu hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành, đề nghị:

- Sớm trình Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;
- Khẩn trương xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành;
- Khẩn trương xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chương trình điều tra thống kê quốc gia;
- Khẩn trương xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các bảng phân loại thống kê để các Bộ, ngành, tỉnh/thành phố thực hiện đồng thời với chế độ báo cáo;
- Khẩn trương biên soạn tài liệu qui định khái niệm, nội dung, phương pháp tính, nguồn số liệu, hình thức thu thập thông tin của từng chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

- Sửa đổi về căn bản chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với Cục Thống kê, phòng thống kê huyện, thống kê xã, thống kê doanh nghiệp, kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

Cùng với việc tuyên truyền phổ biến Luật Thống kê là hàng loạt các công việc trên cần được khẩn trương tiến hành vì đây chính là công cụ để đưa Luật Thống kê vào cuộc sống

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Thống kê do Quốc hội thông qua ngày 17/6/2003, Lệnh số 13/2003/L/CTN ngày 26/6/2003 của Chủ tịch nước công bố.
2. Nghị định số 40/2004/NĐ - CP ngày 13/02/2004 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê.
3. Tài liệu Hỏi - Đáp về Luật Thống kê của Tổng cục Thống kê
4. Các quyết định ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các Bộ, ngành từ năm 1963 đến nay
5. Dự thảo hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia

## DANH MỤC SẢN PHẨM ĐẠT ĐƯỢC

### ***1. Thu thập thông tin:***

- Danh mục chế độ báo cáo thống kê định kỳ và điều tra thống kê từ năm 1960 - 2004: 100 trang
- Chế độ báo cáo thống kê định kỳ về xây dựng cơ bản áp dụng cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng đối với Tổng cục Hải quan.
- Chế độ báo cáo thống kê định kỳ đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có hoạt động thương nghiệp.
- Chế độ báo cáo thống kê định kỳ về lao động, thu nhập, giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá thông tin, thể thao áp dụng cho các Bộ, uỷ ban nhà nước và các cơ quan trung ương;
- Chế độ báo cáo thống kê định kỳ về vốn đầu tư xây lắp và khảo sát thiết kế quy hoạch xây dựng áp dụng đối với bộ, ngành và các tổng công ty có tổ chức hạch toán toàn ngành.

### ***2. Hoàn thành 5 báo cáo chuyên đề:***

- Chuyên đề nghiên cứu cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn để hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với Bộ, ngành;
- Chuyên đề vị trí của chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành trong lược đồ thu thập thông tin thống kê;
- Chuyên đề đánh giá thực trạng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành và nguyên nhân của những hạn chế, bất cập;
- Chuyên đề xác định yêu cầu thông tin thống kê đối với Bộ, ngành;
- Chuyên đề những nguyên tắc cơ bản của việc hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành